

## ***Lời cảm ơn!***

*Lời đầu tiên, tôi xin chân thành cảm ơn BTC cuộc thi “Tìm hiểu giá trị lịch sử văn hóa Đồng Nai năm 2012” đã tạo sân chơi hữu ích, giúp cho nhân dân, đảng viên, cán bộ, học sinh, sinh viên, người lao động... có cơ hội thể hiện tình yêu của mình đối với di sản văn hóa của quê hương Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung. Thông qua cuộc thi, bản thân đã hiểu biết thêm về di tích lịch sử văn hóa của tỉnh nhà. Đồng thời, cuộc thi là cơ hội để bày tỏ những ý kiến của bản thân nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử văn hóa truyền thống của dân tộc.*

*Xin chân thành cảm ơn Ban Giám đốc, các phòng ban, đồng nghiệp Bảo tàng Đồng Nai đã tạo điều kiện về thời gian, kinh phí, tài liệu, hình ảnh... giúp cho cán bộ, nhân viên hoàn thành các bài thi.*

*Kính chúc Ban tổ chức, Ban Giám khảo cuộc thi, Ban Giám đốc, các phòng ban, đồng nghiệp Bảo tàng Đồng Nai lời chào sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt!*

*Trân trọng!*

*“Nhà Bè nước chảy chia hai*

*Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về”*

Hơn 310 năm hình thành và phát triển, vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai là địa bàn sinh tụ và cư trú của nhiều cộng đồng dân tộc. Ngoài bốn dân tộc bản địa là Châu ro, Châu Mạ, S’tiêng và Kơho, thì người Kinh có số dân đông nhất, rồi đến người Hoa, người Khơ Me, người Chăm... Theo các sử liệu ghi nhận, Biên Hòa – Đồng Nai xưa thuộc nước Phù Nam và Chân Lạp, là vùng đất hoang hóa, rừng rậm, sông dài, dân cư thưa thớt, lác đác vài cộng đồng dân tộc bản địa sinh sống lâu đời. Dưới triều nhà Nguyễn, người dân từ vùng Ngũ Quảng<sup>1</sup> di cư vào để khẩn hoang vùng đất Mô Xoài, Bàn Lân (Bến Gỗ)... Sau khi được trừ phú, thịnh vượng, năm 1698, thống suất Nguyễn Hữu Cảnh vâng lệnh chúa Nguyễn vào Nam kinh lược vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, thành lập dinh Trấn Biên thuộc phủ Gia Định. Năm Gia Long thứ 7 (1808) đổi thành trấn Biên Hoà, đến đời vua Minh Mạng (1820-1840) lại đổi thành tỉnh Biên Hòa.

Vào khai hoang lập ấp ở vùng đất mới, các thế hệ người Việt, cùng với cộng đồng dân cư khác đã trải qua nhiều biến cố lịch sử với nhiều chặng đường đầy khó khăn vất vả, hiểm nguy luôn rình rập. Tuy nhiên với truyền thống văn hóa được đúc kết từ ngàn năm văn hiến, cộng đồng người Việt nhanh chóng ổn định cuộc sống, lập làng, lập ấp, xây dựng và phát triển kinh tế... Trong quá trình Nam tiến, ngoài vốn văn hóa truyền thống như phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo được mang theo, người Việt còn tiếp biến các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo của các cộng đồng cùng cộng cư nơi vùng đất mới. Vào đến vùng đất Nam Trung bộ họ tiếp nhận các yếu tố văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo Champa, sau đó người Việt vào Nam lại tiếp nhận văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo của người Phù Nam – Chân Lạp, Khơ Me... Về sau khi tiếp xúc với các nước phương Tây lại tiếp nhận các nền văn hóa mới... Do vậy, qua hơn ba trăm năm hình thành và phát triển vốn di sản văn hóa phi vật thể của cộng đồng người Việt ở các địa phương trong tỉnh rất phong phú và đa dạng trên nhiều loại hình văn hóa như tôn giáo, tín ngưỡng, lễ

---

<sup>1</sup> Ngũ Quảng gồm có Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Đức, Quảng Nam và Quảng Ngãi

hội, ngữ văn dân gian, nghệ thuật trình diễn dân gian, tập quán xã hội, nghề thủ công truyền thống...

Bên cạnh cộng đồng người Việt, thì một bộ phận không nhỏ các dân tộc ít người ở Đồng Nai với vốn lễ hội văn hóa dân gian khá phong phú, phản ánh đời sống sinh hoạt tâm linh của dân tộc mình như lễ thức và tập quán vòng đời người của các dân tộc Choro, Mạ, S'tiêng, Kơho như lễ Sayangva (dân tộc Choro), lễ hội đâm trâu (dân tộc Châu Mạ, S'tiêng)... Thêm vào đó, việc cộng sinh với các nhóm lưu dân người Hoa, quá trình giao thoa văn hóa trong suốt thời gian dài đã làm cho loại hình văn hóa phi vật thể như lễ hội dân gian Tả Tài Phán, cúng Bà Thiên Hậu, cầu an cầu siêu... ở các đền, chùa, miếu, mào, nghĩa từ, từ đường... được tổ chức rất công phu, độc đáo, đậm chất dân tộc, quê hương mình nơi mảnh đất mới và thu hút đông đảo mọi người tham gia.



## I/ LƯỢC SỬ ĐÌNH TÂN LÂN

Trên mảnh đất quê hương Biên Hòa – Đồng Nai, có nhiều di tích ghi dấu quá trình lao động, tạo lập của những lớp lưu dân người Việt và Hoa trong suốt ba thế kỷ qua như đình Bình Thiêng, Miếu Bà Thiên Hậu, Chùa Ông, Cù lao phổ... Nhưng có lẽ ấn tượng nhất, độc đáo nhất đối với cá nhân tôi là di tích đình Tân Lân – nơi thờ danh tướng Trần Thượng Xuyên, người có công khai khẩn, mở mang vùng đất Biên Hòa - Đồng Nai xưa, để rồi hôm nay các thế hệ con cháu cùng chung tay xây dựng một thành phố hiện đại, một tỉnh giàu về kinh tế, phong phú, đa dạng về văn hóa... Ngoài ra, di tích đình Tân Lân là nơi thể hiện khá rõ nét quá trình tiếp biến, giao thoa văn hóa giữa cộng đồng người Việt và Hoa trong suốt diễn trình lịch sử của vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.



**Di tích Lịch sử – kiến trúc nghệ thuật đình Tân Lân**

Hàng năm, đình Tân Lân tổ chức bốn lễ cúng (trong đó có lễ Kỳ yên được tổ chức long trọng, qui mô nhất, có phần hội và tạo được sự quan tâm của cộng đồng):

- + Vía Đức Thánh Thạch (Thổ Thần) 10 tháng 5 Âm lịch.
- + Mừng 8 tháng giêng Âm lịch: Đại giỗ Đức Ông (01 ngày).
- + Vía Bà Ngũ hành: ngày 15 và 16 tháng 2 Âm lịch

+ Lễ Kỳ yên: ngày 23 và 24 tháng 10 Âm lịch

Đình Tân Lâm là một di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật có giá trị cao, được Bộ VH TT ra quyết định xếp hạng là di tích Lịch sử kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia theo quyết định số: 457-QĐ ngày 25 tháng 03 năm 1991.

Đình Tân Lâm (còn gọi là đình Trần Thượng Xuyên) tọa lạc bên tả ngạn dòng sông lịch sử, dòng sông văn hóa Đồng Nai, giữa những khu phố sầm uất, đông người qua lại. Đình Tân Lâm được xây dựng từ năm nào, cho đến nay không thấy có một văn tự nào giúp việc tìm hiểu lịch sử ngôi đình một cách chính xác. Theo lời truyền tụng qua nhiều thế hệ thì đình Tân Lâm nguyên thủy là một ngôi miếu nhỏ có từ thời vua Minh Mạng (1820 - 1840) tọa lạc tại khu vực Thành Kèn Biên Hòa. Miếu do nhân dân lập nên, để tưởng nhớ công lao của tướng Trần Thượng Xuyên trong việc khai hoang lập ấp, mở mang thương mại tại vùng đất Đồng Nai. Đến năm 1861, miếu dời về đối diện tòa sơ thẩm (Tòa án) bên cạnh cây điệp già. Năm 1906, miếu được cộng đồng người Việt và Hoa dời về thôn Tân Lâm, dinh Trấn Biên, huyện Phước Chính nay là phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Trải qua hai lần trùng tu lớn vào các năm 1935, 1970, đình mới có diện mạo khang trang như ngày nay. Di tích đình Tân Lâm là một công trình kiến trúc tín ngưỡng độc đáo ở nhiều hạng mục của công trình như kiến trúc, các đề tài trang trí, hệ thống bao lam, liễn đối, sắc thân...

Đình Tân Lâm tọa lạc trên một khu vực đất bằng phẳng khoảng 3000m<sup>2</sup> bên tả ngạn sông Đồng Nai. Mặt chính công trình quay theo hướng Tây Nam, trước giáp với đường Nguyễn Văn Trị và sông Đồng Nai, sau giáp khu dân cư, bên trái giáp trường PTCS Nguyễn Khắc Hiếu, bên phải giáp Xí nghiệp in Đồng Nai. Mặt trước đình, phía bên đường Nguyễn Văn Trị - nguyên trước đây khoảng sân rộng lớn của đình, nay là khu vực công viên bờ sông có một bức bình phong hình chữ nhật bằng gạch xi măng, thể hiện đề tài Long Mã Phụ Hà Đồ (Ngựa háo rồng) đắp nổi, ghép sành nhiều màu (màu men xanh, trắng và xám) đang cưỡi sóng nước, phía trên là những khối mây và mặt trời; đối xứng hai bên tượng Long Mã Phụ Hà Đồ là cặp lân bằng gốm men xanh.



**Bình phong của đình Tân Lâm**

Đối diện bức bình phong phía bên đường Nguyễn Văn Trị là một quần thể di tích gồm nhiều công trình thờ tự với quy mô lớn nhỏ khác nhau như miếu thờ Ngũ Hành, miếu thờ Ông... Đặc biệt công trình chính nơi thờ Đức Ông Trần Thượng Xuyên có quy mô và kiến trúc độc đáo, thể hiện nhiều đặc điểm văn hóa Việt – Hoa có giá trị cao. Cũng giống như nhiều ngôi đình khác ở Nam bộ và Đồng Nai, đình Tân Lâm cũng có kiến trúc theo kiểu chữ Tam (≡) - tức là các công trình được bố trí song song nhau từ trên xuống dưới (các đòn dông nằm song song nhau), gồm ba phần chính nối tiếp nhau: tiền đình, chánh điện và hậu cung:



**Kiến trúc chữ Tam (≡) của di tích đình Tân Lâm**



## Các công trình thờ tự của di tích đình Tân Lâm

### 1) Tiền đình

Tiền đình có diện tích  $75,5\text{m}^2$  ( $15\text{m} \times 5,1\text{m}$ ) gồm hai mái lợp ngói âm dương đã phủ màu của thời gian. Nền tiền đình cao 60cm, được xây bằng đá xanh, lót gạch bông ( $20\text{cm} \times 20\text{cm}$ ). Tường được xây bằng gạch, xi măng, phía trên là bộ khung vì bằng gỗ, các xà ngang chạm khắc tinh xảo các đề tài quen thuộc như dơi, đào, mai, lan, cúc, trúc, dây hoa lá... biểu tượng của phúc, thọ, cuộc sống ấm no, an lành, thịnh vượng của bá tánh. Toàn bộ mặt trước của công trình gồm 5 cửa sắt màu đỏ, cấu trúc hiện đại. Giữa nóc đình trang trí đề tài "*Rồng châu pháp lam*", đối xứng hai bên là cặp lân và cá hóa rồng, ngoài cùng là hình tượng mũi thuyền biểu tượng của sự thịnh vượng. Toàn bộ mặt trước của đình được trang trí hai mảng lớn các quần thể tượng gốm men xanh gồm nhiều đề tài phong phú, độc đáo. Hàng cột phía ngoài tiền sảnh vuông bằng xi măng, hai cột giữa trang trí rồng cuốn mây đắp nổi, bốn cột ngoài trang trí hai cặp liền đôi bằng chữ Hán đắp nổi bằng xi măng.



### Quần thể tượng gồm trang trí trên mái đình Tân Lâm

+ Tiền sảnh: Rộng 1,8m, dài 14m, hai bên đầu hồi là hai hành lang rộng 2m chạy dọc theo khu chánh điện xuống hậu cung. Xung quanh hành lang là hệ thống tường gạch, xi măng xây cao 90cm, trên là tường hoa bê tông, nền lát gạch bông. Vào tiền đình bằng 3 cánh cửa gỗ sơn đỏ: 01 cửa chính vào thẳng chánh điện và 02 cửa phụ vào gian bên. Tiền đình chia làm 3 gian bởi 4 hàng 8 cột gỗ tròn đường kính 35cm, được kê trên bệ đá xanh tròn 50cm. Hàng cột giữa treo đôi liễn đối (3m x 0,6m), trên có hoành phi chữ Hán. Giữa tiền đình có đặt bàn hội đồng bằng gỗ có chạm khắc các đề tài tứ linh, dây hoa lá... Giữa tiền đình đặt bàn thờ Hội đồng ngoại bằng gỗ chạm khắc tinh xảo các đề tài truyền thống như long, lân, chim muông, dây hoa lá... Trên hương án bàn Hội đồng ngoại có đặt ảnh thờ, nội dung ghi: “Đại Minh Thái Tổ Cao Hoàng Đế” (大明太祖高皇帝). Sau bàn Hội đồng ngoại có đặt long đình chạm khắc, sơn son thếp vàng tinh xảo dùng để rước Ông trong các dịp lễ kỳ yên hàng năm. Gian hai bên tiền đình đặt hai hương án bằng chất liệu gỗ sơn đỏ thờ Đông hiến, Tây hiến.





**Tiền sảnh của di tích đình Tân Lân**



**Bàn thờ Hội đồng ngoại**



**Hành lang xuống hậu cung**

## 2) Chánh điện

Chánh điện được thiết kế cách biệt với tiền đình bằng hệ thống máng thoát nước giữa hai mái bằng tôn có diện tích 187,5m<sup>2</sup> (15m x 12,5m), lợp ngói âm dương. Trên nóc mái có gắn các quần thể tượng Lương Long Châu Nhật, Cá hóa Long, Phụng.... Nền chánh điện cao 60cm, nền lót gạch bông, toàn bộ khung vì bằng gỗ tốt, có cột chống ở giữa kiểu bình nước, các kết cấu được lắp ghép với nhau bằng hệ thống mộng chốt. Tường chánh điện xây bằng xi măng, giữa tiền đình và chánh điện có 2 cửa gỗ thông ra hành lang. Chánh điện có cấu trúc như tiền đình: chia làm 3 gian, 4 hàng gồm 12 cột gỗ tròn kê trên bệ gạch tròn cao 50cm

+ Gian giữa: Trên các cột đều có treo bộ liễn đối, ở trên có hoành phi chữ Hán, xung quanh có trang trí hoa văn, sơn son thếp vàng. Dưới hoành phi là các bao lam bằng gỗ chạm khắc rất tinh vi, sắc sảo nhiều đề tài. Chánh điện thờ Ông bằng cốt tượng thạch cao đặt trên bàn hương án bằng gỗ có nhiều điểm chạm khắc độc đáo, phía sau là khánh thờ bằng gỗ có chữ Thần (神) sơn son thếp vàng. Trước bàn thờ Thần là bàn La Liệt, bàn Hội đồng nội. Song song với bàn La Liệt, bàn Hội đồng nội là hai bộ tự khí bằng đồng (8 món) và gỗ (9 món).



Chánh điện



Cốt tượng Đức Ông Trần Thượng Xuyên

+ Hai gian bên: giữa hai hàng cột phía trong có treo các hoành phi, bên dưới là các bao lam bằng gỗ chạm lộng các đề tài mai, lan, cúc, trúc, dơi... Hai bên bàn thờ Thần là bàn thờ Tả ban (左班) và Hữu ban (右班) hương án bằng gỗ. Dọc mặt tường bên tả hữu là 4 bệ xi măng thờ Thái Giám (太監), Hậu Hiền (後賢), Bạch Mã (白馬) và Tiền Hiền (前賢)

### 3) Hậu cung

Vào hậu cung bằng hai cửa chính bằng sắt ở hai bên hông; hai cửa gỗ đối xứng nhau từ chánh điện xuống. Hậu cung có diện tích 120m<sup>2</sup> (15m x 18m) gồm hai mái lợp ngói âm dương, nối tiếp với chánh điện bằng hệ thống máng nước. Trên nóc có gắn rồng châu pháp lam, đối xứng hai bên là cặp cá chép và lân bằng gốm men xanh. Nền cao 60cm lót gạch bông, tường xây gạch xi măng, trên có trang trí hoa sắt. Hậu cung được chia làm 3 gian bởi 4 hàng cột 8 cột gỗ tròn đường kính 35cm kê trên các bệ gạch hình khối tròn cao 50cm. Chính giữa hậu cung thờ thờ Tiên sư (先師), hai bên thờ Tiên thứ Việt Nam (前次越南) và Tiên Thứ Trung Hoa (前次中華) đặt trên bệ bằng xi măng.



Hậu cung

### 4) Nhà bếp

Nối tiếp với Hậu cung là nhà bếp có diện tích 267m<sup>2</sup> (17,8m x 15m) được ngăn cách bởi bức tường gạch xi măng có cửa thông bằng gỗ, mái lợp tôn, nền lót gạch bông. Nhà bếp có đặt hương án bằng xi măng thờ Hậu bối (後輩) là những người có công với làng, với đình. Nhà bếp là nơi nấu ăn của đình vào những ngày cúng tế.

Hai bên hông đình là khoảng sân rộng có miếu thờ Ông Đá bên hữu, thờ Bà Ngũ Hành bên tả và hương án Thần Nông được đúc bằng xi măng.



**Bàn thờ Hậu bối ở gian bếp**



**Bàn thờ Thần Nông- bên tả của di tích**



**Miếu Ông Đá - bên hữu của di tích**



**Miếu Ngũ Hành- bên tả của di tích**

## II/ ĐÔI NÉT VỀ DANH TƯỚNG TRẦN THƯỢNG XUYÊN

Danh tướng Trần Thượng Xuyên (chữ Hán: 陳上川, sinh năm 1655 mất năm 1720), tự là Thắng Tài (勝才), quê ở làng Ngũ Giáp Điền Thủ, huyện Ngô Xuyên, phủ Cao Châu (Giao Châu), tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc), nguyên là tổng binh ba châu Cao - Lôi - Liêm dưới triều Minh. Ông được coi là người đầu tiên có công khai khẩn với quy mô lớn vùng đất Biên Hòa; một danh tướng người Hoa phục Nguyễn có tài thao lược về quân sự, có óc kinh doanh và tài tổ chức doanh thương của một người Quảng Đông (Trung Quốc). Thành công ở nhiều lĩnh vực đã đưa tên tuổi ông vang danh hậu thế và là người được chúa Nguyễn ban danh hiệu cao quý: Nguyễn vi vương, Trần vi tướng, đại đại công thần bất tuyệt, được vua Minh Mạng, Thiệu Trị sắc phong "Thượng đẳng thần". Trong kho tàng sử liệu của dân tộc Việt Nam, có rất nhiều công trình nghiên cứu, sử gia, học giả... ghi chép khá đầy đủ cuộc đời và sự nghiệp danh tướng Trần Thượng Xuyên như Đại Nam Thực lục Tiền biên, Gia Định Thành Thông chí, Biên Hòa sử lược...



Hương án thờ Đức Ông Trần Thượng Xuyên

Sách Gia Định thành Thông chí của Trịnh Hoài Đức có ghi chép sự kiện Trần Thượng Xuyên đã đem hơn 3000 quân thân tìn, cùng gia quyến trên 50 chiếc thuyền từ đảo Hải Nam đến Đại Việt xin thuận phục, lánh nạn lâu dài như sau: *“Tháng 4 năm Kỷ mùi (1679), quan Tổng binh thủy lục các xứ ở Long Môn thuộc Quảng Đông nước Đại Minh là Dương Ngạn Địch và phó tướng Hoàng Tấn, quan Tổng binh trấn thủ các châu Cao, Lô, Liêm là Trần Thắng Tài, phó tướng Trần An Bình dẫn quân và gia nhân hơn 3000 người với chiến thuyền hơn 50 chiếc xin được vào Kinh bằng hai cửa Tư Dung và Đà Nẵng ....họ không thể thân phục nhà Minh nên chạy sang nước Nam nguyện làm dân mọn...Triều đình mới tổ chức khao đãi ân cần, chuẩn y cho giữ nguyên chức hàm, phong cho quan tước rồi lệnh cho tới Nông Nại làm ăn, gắng sức khai phá đất đai...”*

Sách Biên Hòa sử lược của Lương Văn Lựu có ghi chép sự kiện này như sau: *“Vào thời Kỷ Mùi (1679), đời vua Lê Hi Tông thứ 4, Chúa Hiền Nguyễn Phước Tần cai trị xứ Nam Hà (miền Nam Đại Việt), tục gọi là Đàng trong. Thời ấy, bên Trung Quốc, nhà Minh đang suy yếu, giặc giã nổi lên cướp phá, gây loạn lạc khắp nơi, dân tình khổ sở. Vua nước Mãn Châu đương thời là Hoàng Thái Cát thừa cơ cử binh sang đánh vào Cẩm Châu, Ninh Viễn, lần lên chiếm lấy Bắc Kinh lập nên nhà Đại Thanh.*

*Lúc bấy giờ nhằm đời vua Thánh Tổ Khang Hi, Vua Thanh hạ lệnh toàn quốc phải cạo tóc, thắt bím, ăn bận theo người Mãn, ai không tuân phải tội chết. Chấn dân gian sôi nổi, nhất là người phương Nam càng phẫn khích, các tỉnh Giang Nam, Triết Giang, Giang Tây nổi lên phản kháng.*

*Nhà Thanh lại sai phá hết thành quách, đồn lũy, ruộng vườn ở gần bờ biển các tỉnh Triết Giang, Phước Kiến, Quảng Đông và ra lệnh dời dân cư ở đây vào 30 dặm trong nội địa, ai quá giới hạn ấy, phải tội chết và cấm cả ghe thuyền hạ thủy (theo Trung Quốc sử lược của G.S. Phan-Khoang).*

*Bốn viên cựu tướng của nhà Minh Thế Tông (du đảng Trịnh Thành Công chiếm cứ đảo Đài Loan):*

1/ Dương Ngạn Địch: tổng binh đất Long Môn và phó tướng Huỳnh Tấn.

2/ Trần Thượng Xuyên tự Thắng Tài, tổng binh ba châu Cao, Lô, Liêm và phó tướng Trần An Bình cùng nổi lên chống triều đình nhà Mãn Thanh, bị thất bại, nên đem 3000 quân cùng gia-quyển, và 50 chiến thuyền xuống Nam, đến đậu từ cửa Eo đến Đà Nẵng (Quảng Nam).

Tuần quan cửa Tư Dung là Trí Thắng Hầu, đi thuyền nhỏ ra hỏi, Dương-Ngạn Địch treo cờ trắng, rồi trình xin tỵ nạn để làm dân Đại Việt. Huỳnh Tấn, Quách Tam được cử theo đến Phủ chúa dâng bốn sớ điều trần:

“Chúng tôi đây đều là phân-tử Đại Minh, chẳng mai gặp cơn quốc biến, thế cùng hết đạo trung trinh. Chỉ vì vận mạng Minh Triều đã hết, giang sơn xã tắc chẳng còn, sức kiệt thế cùng, không phương cứu vãn, quyết không cúi đầu bím tóc, nô lệ “man dân đồng dị” nên vượt bể sang nam, xin làm thân tộc...” (Tô Nam biên dịch).

Hiền Vương hỏi ý quân thân, có người tâu:

“Kẻ kia là người ngoại quốc, ngôn ngữ bất đồng, tánh tình phong tục cũng khác, ví bằng thu nhận, điều khiển kẻ cũng khó khăn. Nhưng mà xét lại, bọn chúng trong khi cùng quẫn, dất-dίου nhau sang đây, xưa nay, cứu cấp phò nguy, Triều đình đâu có hẹp lượng. Hiện nay, địa phương Giản Phố, ruộng đất bao la; Triều-đình chưa đủ nhân công khai thác, chi bằng cứ thu nạp cho chúng vào đó an cư, đề khai thác nguồn lợi tương lai, thực là một việc làm mà thu được ba kết quả”.

Lợi dụng dịp này, chúa Hiền chuẩn nhận, rồi sẵn có chính sách mở ruộng trồng dâu ở xứ Chân Lạp, nên chúa khao thưởng, phong quan và cấp lương-thực, cày bừa, cho nhóm ngoại kiều vào Đông phố định cư khai vỡ đất hoang, do sự hướng dẫn của Xá sai Vân Trình và tướng thần lại Văn Chiêu.

Họ chia ra làm hai nhóm:

1/ Một do Dương Ngạn Địch chỉ uy kéo xuống đóng ở Định Tường.

2/ Nhóm thứ hai do Trần Thượng Xuyên và phó tướng Trần An Bình cầm đầu, dựng trại đồn trú ở Lộc Dã (Trần Biên dinh) và Bàn Lân (thôn Tân Lân). Họ tới



đâu, thì dân Chân Lạp, có tánh hay hờn nhát, không thể sống chung với nhóm người xa lạ, lần lần bỏ đi nơi khác.

Tổng binh Trần Thượng Xuyên giành đất Đông Phố (Biên Hòa), lập nên xã Thanh Hà (sông nước trong Cù Lao Phố) thuộc huyện Phước Long, lo mở mang nông nghiệp, đem phong tục lễ nghi ra truyền bá cho dân địa phương.

Nhờ có nhiều năng lực (nhẫn nại, cần cù, sáng kiến) nên chẳng bao lâu, họ gây dựng được sự nghiệp. họ mở đường sá, xây nhiều phố phường, lập chợ búa.

Cảnh thôn thịnh của vùng thôn Bình Long - Chợ Lò (Bửu Hòa – Chợ Đồn), lúc bấy giờ, được sách “Đại nam nhất thống chí” tả ghi như sau:

“Nhà ngói, vách vôi, lầu quá đôi tầng, rực rỡ trên bờ sông, liên lạc năm dặm và phân hoạch làm ba nhai lộ: nhai lớn giữa phố, lót đá trắng, nhai ngang lót đá ong, nhai nhỏ lót đá xanh, đường rộng bằng thẳng”.

Các thương thuyền ngoại quốc ra vào tấp nập. Trong số người Tây dương có: Anh, Pháp, Hòa Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, và Đông phương có: Nhật Bản, Đồ Bà (Chà và), Mã Lai, Nam dương.

Cảnh nhộn nhịp của tàu thuyền tới lui buôn bán cũng được sách “Gia định thông chí” của Trịnh Hoài Đức chép lại, nơi mục truyền sơn:

“Từ xưa các thuyền ngoại quốc tới lui nơi này (Châu Đại Phố) bỏ neo, mướn nhà ở, rồi kê khai các số hàng trong chuyến ấy cho các hiệu buôn trên đất liền biết. Các hiệu buôn định giá hàng, tốt lẫn xấu, rồi bao mua tất cả, không để một món hàng nào ứ đọng. Đến ngày trở buồm về, gọi là “Hội đường” Chủ thuyền cần mua món hàng gì, cũng phải làm sẵn hóa đơn dặn hàng trước mua dùm. Như thế, khách chủ được tiện lợi và sổ sách phân định. Khách chỉ việc đờn hát vui chơi, đã có nước ngọt đầy đủ, lại khỏi lo ván thuyền bị hà ăn...”

Có thể nói, Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch là những thế hệ cư dân đầu tiên của người Hoa trên đất Nam bộ, nhưng có lẽ chưa phải là những người Trung Hoa đầu tiên tìm đến Nam bộ. Bởi trước đó, Mạc Cửu một thương nhân người Hoa cũng đã tìm đến vùng đất cực Nam Nam bộ và Campuchia vào thời điểm 1671 trước khi họ Trần và họ Dương đến Nam bộ gần mười năm. Tuy nhiên

có thể xem Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch, Mạc Cửu... và những lớp di dân người Hoa đến Nam trong khoảng cuối thế kỷ XVII – XVIII; là những thế hệ người Hoa đầu tiên trên đất Nam bộ. Những thế hệ di dân người Hoa đầu tiên này rõ ràng là những người tiên phong dũng cảm và ít nhiều mạo hiểm khi lựa chọn vùng đất định cư ở Nam bộ vào thời điểm lịch sử lúc đương thời. Vùng đất Nam bộ bấy giờ còn bạt ngàn là rừng rậm và đầm lầy, sông ngòi chằng chịt. Đó là một vùng đất đầy tiềm năng, nhưng cũng đầy thách thức với những người tiên phong khai phá bởi sự khắc nghiệt của thiên nhiên hoang dã. Trần Thượng Xuyên và những thế hệ di dân người Hoa tìm đến đất Nam bộ đã phải đối diện và khắc phục biết bao gian nan vất vả để có thể kiến tạo cho một cuộc sống ổn định, lâu dài.

Tuy nhiên, những thế hệ người Hoa đầu tiên này cũng gặp không ít may mắn, thuận lợi trong việc khai mở mảnh đất mầu mỡ. Trước hết là sự gặp gỡ của những di dân người Hoa với người Việt và Khmer trên vùng đất Nam bộ. Đó cũng là cuộc gặp gỡ của những người nông dân, thợ thủ công, những kẻ lưu lạc nghèo đói, đành phải rời bỏ quê hương của người Việt ở Bắc bộ, Bắc Trung bộ, của người Khmer ở đầu châu thổ, phía thượng nguồn sông Mê Kông thuộc đất Chân Lạp xưa. Những người lao động nghèo khổ này đã tìm đến Nam bộ để tạo dựng một cuộc sống mới, mong mỏi thoát kiếp nghèo đói. Chính cái thân phận nhọc nhằn, khổ đau ấy đã kết nối người Hoa, người Việt, người Khmer cùng các tộc người anh em khác trên đất Nam bộ từ thuở ban đầu. Đó cũng chính là sức mạnh cho người Hoa, người Việt, người Khmer trong công cuộc chinh phục vùng đất Nam bộ trong những thế kỷ tiếp theo. Một ưu ái khác với những thế hệ người Hoa đầu tiên trên đất Nam bộ, đó là những quy chế ưu tiên cho những lưu dân Trung Hoa tìm đến và nhập tịch Việt Nam của các chính quyền Nhà nước đương thời- chúa Nguyễn cai trị xứ Đàng Trong và sau đó là vương triều họ Nguyễn. Những lưu dân người Hoa, được tự do đi lại, tự do buôn bán, được tự do giao dịch với người bản xứ và hơn thế nữa được lấy vợ người bản xứ, được sở hữu bất động sản... Hơn hết là được Nhà nước khuyến khích hội nhập vào cộng đồng cư dân Việt Nam. Đó là việc cho phép người Hoa đã trở thành công dân Việt Nam được lập làng Minh Hương, hoặc làng Thanh Hà gần giống như làng của người Việt đương thời.

Những đóng góp của cộng đồng người Hoa nói chung và cá nhân danh tướng Trần Thượng Xuyên được nhà nước và nhân dân ghi nhận công đức trong việc mở mang bờ cõi, cương vực quốc gia; phát triển các ngành nghề, lập phố xá, thương cảng để phát triển đất nước. Mặc dù là những lưu dân mới đến từ Trung Hoa trong thế hệ đầu tiên, nhưng Nhà nước phong kiến Việt Nam, đương thời là chúa Nguyễn và tiếp theo là các vua Nguyễn đều rất quý trọng và tin tưởng ở những đóng góp của người Hoa cho vùng đất Nam bộ và xứ Đàng Trong nói chung. Chúa Nguyễn đã phong chức tước cho Trần Thượng Xuyên xem ông như một vị quan lớn của chúa Nguyễn ở đất Gia định. Khi mất ông được nhân dân lập miếu thờ nhiều nơi như xem như thần Hoàng làng, hàng năm đều có tổ chức tế lễ và được các triều đình phong kiến Việt Nam ban tặng nhiều sắc phong với mỹ từ cao quý.

#### **IV/ GIÁ TRỊ VĂN HÓA - LỊCH SỬ – KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT DI TÍCH ĐÌNH TÂN LÂN**

Cũng như nhiều ngôi đình khác Đồng Nai, đình Tân Lân nổi lên như một viên ngọc sáng; là trung tâm sinh hoạt hành chính, văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của những người con vùng đất phương Nam mến yêu từ trong quá khứ lẫn hiện tại. Ngôi đình là nơi hội tụ, bảo lưu và truyền thừa nhiều giá trị văn hóa dân gian, tín ngưỡng truyền thống của dân tộc ta từ ngàn xưa để lại; là nơi thể hiện rõ nhất hoạt động tín ngưỡng, chiếm vị trí quan trọng trong đời sống của người dân sở tại. Đây là một ngôi nhà chung của cộng đồng, nơi thờ Thánh nhân Trần Thượng Xuyên cùng các bậc Tiên hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ... Đình Tân Lân còn là nơi thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn của các thế hệ người Việt, Hoa đối với những người có công với nước, với làng, với dân. Đình có chức năng hành chính là nơi tổ chức các buổi họp bàn về việc làng: ban hành hương ước, xử kiện, xử phạt... theo luật lệ của làng. Hàng năm nơi đây tổ chức lễ hội kỳ yên, các cuộc vui chơi... gắn kết cộng đồng làng xã tạo mối quan hệ gắn bó giữa cá nhân, gia đình, dòng họ. Thông qua, các sinh hoạt ở đình làng người dân ý thức về cội nguồn, lòng nhân nghĩa, thủy chung biết yêu thương, chia sẻ nhau trong mọi hoàn cảnh.

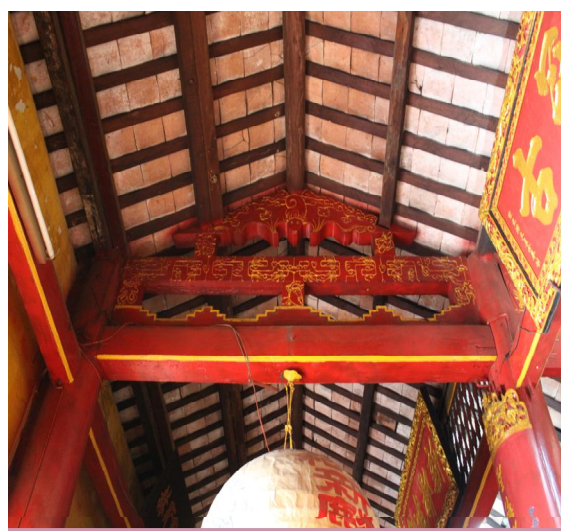
Ngoài ra, đình Tân Lân còn là một công trình kiến trúc độc đáo, phản ánh đậm nét quá trình giao thoa văn hóa Việt – Hoa trong suốt diễn trình lịch sử hơn ba

thế kỷ qua. Đình Tân Lân là nơi lưu giữ nhiều di sản văn hóa của các thế hệ ông cha để lại thông qua các bức bao lam, hoành phi, liễn đối sơn son thếp vàng, hàm chứa bên trong nhiều điển tích, điển cố có giá trị lịch sử, văn hóa cao, thu hút nhiều tầng lớp nhân dân đến chiêm ngưỡng, nghiên cứu.

Đình Tân Lân là trung tâm sinh hoạt văn hóa của người dân địa phương nên xây dựng nơi có phong cảnh đẹp, mặt tiền chính quay về hướng sông Đồng Nai (xưa sông Đồng Nai còn có tên Phước Long) để thuận tiện cho nhân dân giao thương. Về mặt kiến trúc, đình Tân Lân được xây dựng theo kết cấu chữ Tam (三) gồm có tiền đình, chánh điện, hậu cung song song với nhau tạo thành một hệ thống liên hoàn. Đây là kiểu kiến trúc thường gặp ở nhiều di tích đình, miếu, chùa... ở Đồng Nai như đình An Hòa (Biên Hòa), đình Mỹ Khoan (Hiệp Phước, Nhơn Trạch, đình Phước Thiện (Phước Thiện, Nhơn Trạch)... Có thể nói, trong văn hóa phương Đông nói chung và văn hóa Việt Nam nói chung, số 3 ẩn chứa nhiều điều văn hóa độc đáo, mà chú ý chúng ta sẽ thấy nó xuất hiện rất nhiều ở các công trình kiến trúc, di tích, văn hóa, ca dao, tục ngữ... Số 3 trong văn hóa Việt Nam tượng trưng cho những điều may mắn, toàn vẹn trong thiên nhiên và cuộc sống của con người. Điều đó, chứng tỏ khi xây dựng công trình di tích đình Tân Lân bên cạnh tính hữu dụng, các bậc tiền nhân còn gửi gắm nhiều điều ước vọng tương lai cho bá tánh được an lành, cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa.

Ngoài ra kết cấu xuyên trính bằng gỗ ở các hạng mục tạo cho bộ khung công trình vững chắc, không gian rộng mở, hài hòa. Toàn bộ hệ thống rui, mè, đòn tay... làm bằng gỗ liên kết với nhau bằng hệ thống mộng chốt chặt chẽ làm cho công trình khá chắc chắn, vững chãi trước sự khắc nghiệt của điều kiện thiên nhiên và thời gian. Đặc biệt, các cây xuyên chạy gờ nổi xuyên suốt với những đường nét uyển chuyển, tinh tế. Nơi giao nhau của 2 đầu kèo là mô típ chày cối với cánh dơi bao bọc được các nghệ nhân chạm trổ công phu mang ý nghĩa tượng trưng cho trời đất, âm dương sum họp, mong muốn mưa thuận gió hòa, mùa màng tươi tốt, bội thu. Các vì kèo được các nghệ nhân với đôi bàn tay khéo léo cùng với đức tính cần cù, thông minh đã chạm khắc nhiều đề tài phong phú như hình đầu rồng, đuôi

phụng... tạo cảm giác cho di tích nhẹ nhàng hơn, nhưng vẫn đảm bảo tính vững chắc, bề thế của một công trình kiến trúc đặc trưng của Nam bộ.



**Các họa tiết hoa văn trên vì kèo**

**Mô típ chày cối và cánh dơi của tiền đình**

Các đề tài trang trí ở di tích đình Tân Lâm có nhiều giá trị văn hóa độc đáo, thể hiện bản sắc văn hóa địa phương, dân tộc. Các đề tài chạm khắc như dơi, đào, hoa lá, phượng, rồng... còn xuất hiện khá nhiều trên hệ thống bao lam, liễn đối, hoành phi của đình, được các nghệ nhân xưa tạo tác rất tinh xảo và cực kỳ sống động. Các tác phẩm chạm khắc ở đình Tân Lâm ngoài việc thể hiện những ước mong, gửi gắm của các bậc tiền nhân còn mang nhiều giá trị nghệ thuật, nghề thủ công truyền thống của mảnh đất phương Nam.

Mặt trước đình, phía bên đường Nguyễn Văn Trị - nguyên trước đây khoảng sân rộng lớn của đình, nay là khu vực công viên bờ sông có một bức bình phong hình chữ nhật bằng gạch xi măng, thể hiện đề tài Long Mã Phụ Hà Đồ (Ngựa háo rồng) đắp nổi, ghép sành nhiều màu (màu men xanh, trắng và xám) và đang cưỡi trên sóng nước, phía trên là những khối mây và mặt trời; đối xứng hai bên tượng Long Mã Phụ Hà Đồ là cặp lân bằng gốm men xanh. Trong văn hóa dân gian của người Việt Nam ta, việc xây dựng các công trình tôn giáo, tín ngưỡng, nhà cửa... thường nằm dọc theo sông rạch và theo thuật phong thủy. Bởi đình miếu là trung tâm sinh hoạt văn hóa của địa phương nên mặt tiền phải hướng ra sông để thuận tiện cho việc giao thương. Ngoài ra, khi xây dựng công trình có nhiều loại phong thủy phải tuân theo, trong đó việc xây dựng bức bình phong trước công trình cũng

là một phần quan trọng. Về mặt ý nghĩa, bình phong hết sức cần thiết cho gia trạch, đặc biệt là các di tích thờ tự, tác dụng của chúng là ngăn cản những ảnh hưởng xấu (theo quan niệm dân gian) hay Hỏa khí (theo thuyết âm dương Ngũ hành) xâm nhập trực diện từ phía trước. Các loại bình phong được xây dựng cẩn thận bằng gạch đá, thường ngoài ý nghĩa về phong thủy còn là những công trình mang ý nghĩa trang trí, thể hiện tính chất thiêng cho không gian thờ tự. Về đại thể, tuy chỉ là một bức tường xây ngang nhưng kiểu dáng và cách thức trang trí của bình phong thì vô cùng phong phú, đa dạng, thể hiện nhiều yếu tố nghệ thuật. Kiểu bình phong phổ biến nhất có lẽ là kiểu cuốn thư nhưng có rất nhiều biến thể. Các đề tài trang trí trên bình phong cũng đa dạng, nhưng phổ biến nhất vẫn là những con vật trong Tứ linh, gồm long (rồng) – lân - quy (rùa) - phượng. Tại các đình làng, các am miếu dân gian ở Đồng Nai, hình tượng Long Mã hay hổ hạ sơn cũng được sử dụng rất nhiều trên bình phong.

Về hình tượng Long Mã Phụ Hà Đồ là con Long Mã có mang trên lưng một bức đồ xuất hiện ở sông Hoàng Hà. Về mặt từ nguyên học: Long là rồng, mạch nước, chỉ vua; Mã là ngựa. Long Mã là con thú linh, đầu rồng mình ngựa, mình có vẩy rồng cao 8 thước 5 tấc (thước Tàu), xương cổ dài, mình không thấm nước. Phụ nghĩa là mang, đeo; Hà là sông Hoàng Hà; Đồ là bức vẽ. Hà Đồ là bức vẽ có nguồn gốc là sông Hoàng Hà bên Tàu.



**Hình tượng Long Mã Phụ Hà Đồ trên bình phong**

Theo nhiều tài liệu cho biết đề tài Long Mã Phụ Hà Đồ có nguồn gốc từ Trung Hoa thời vua Phục Hy. Trong Tự điển Cao Đài, tác giả Nguyễn Văn Hồng viết: *“Vào thời thượng cổ bên Tàu, đời vua Phục Hy (2852-2737 trước Công Nguyên) trên sông Hoàng Hà, thành linh một trận giông lớn nổi lên, nước sông dâng cao, có nổi lên một con quái đầu rồng mình ngựa, đứng khời khời trên mặt nước, trên lưng có nhiều đốm đen trắng xếp theo một trật tự đặc biệt và có mang một cây bảo kiếm. Dân chúng thấy chuyện lạ, vội cấp báo cho vua Phục Hy biết. Nhà vua liền đến nơi, đứng trên bờ sông quan sát. Vua Phục Hy là vị Thánh Đế nên biết con quái ấy là con Long mã, một loại thú linh hiếm có, ít khi xuất hiện. Ngài phán rằng: “Nếu phải nhà người đem báu vật đến dâng cho Ta thì hãy lại đây, đến trước mặt Ta.” Long mã như biết nghe tiếng người, từ từ đi vào bờ, đến trước mặt vua Phục Hy thì quì xuống. Vua Phục Hy thấy trên lưng Long mã có một bức đồ gồm 55 đốm, nhà vua ghi nhớ vị trí các đốm rồi gỡ lấy bảo kiếm. Xong, Long mã liền trở ra khời và đi mất. Mực nước sông Hoàng Hà sụt xuống như cũ.” Vua Phục Hy vẽ lại những đốm trên lưng Long mã, tạo thành một bức đồ, đặt tên là Hà đồ.*

*“Nhà vua quan sát các chấm này, kết hợp với sự quan sát các hiện tượng thiên nhiên trong Trời Đất, nghĩ ra cách tượng trưng Âm Dương, Ngài vẽ ra được Bát Quái Đồ, gọi là Tiên Thiên Bát Quái Đồ”.*

Theo quan niệm của phương Đông hình ảnh rồng là một trong bốn vật thiêng (tứ linh gồm: long, lân, quy, phượng) tượng trưng không gian, vì rồng vùng vẫy trong không trung, mã tượng trưng thời gian vì ngựa chạy trên mặt đất lúc mau lúc chậm, cho nên Long Mã tượng trưng không gian và thời gian, tức là tượng trưng Càn khôn Vũ trụ, luôn luôn xoay chuyển không bao giờ ngừng nghỉ. Bởi vậy, tại các đình chùa, điện thờ, miếu mạo, đề tài Long Mã thường được khắc họa hay đúc tượng trên các vật thể như bình phong, hoành phi để vừa trang trí chốn tôn nghiêm, vừa có công dụng phong thủy trừ tà. Đặc biệt, ở các nước chịu nhiều ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc như Việt Nam tranh, tượng Long Mã thường được thực hiện trong tư thế đứng rất uy nghi, phong thái hùng dũng đang tiến về phía trước.

Ở di tích đình Tân Lâm, nghệ thuật chạm khắc các đề tài mang tính truyền thống (tứ linh, tứ quý) và đề tài mang tính dân gian (dây hoa lá, chim thú...) được các nghệ nhân xưa tạo tác trên nhiều hệ thống bao lam, liễn đối, hương án... rất tinh xảo và cực kỳ sống động, thể hiện nhiều nội dung phong phú có tính biểu tượng cao, phản ánh chủ thể văn hóa và đặc tính văn hóa vùng, miền rõ nét. Đặc biệt, chất liệu tạo tác các đề tài cũng khá phong phú và đa dạng: trên gốm, trên gỗ, trên xi măng...

Trong văn hóa phương Đông, tứ linh là bốn con vật, đứng đầu là long (rồng), rồi đến phụng (phượng), lân và cuối cùng là quy (rùa). Rồng là con vật đứng đầu trong nhóm tứ linh và được ứng dụng rộng rãi ở các di tích thờ tự. Rồng ở phương Tây tượng trưng cho các ác, cái xấu; còn rồng ở phương Đông đại diện cho cái thiện, là vật linh thiêng đáng kính trọng; tượng trưng cho quyền lực của nhà vua và nó tượng trưng cho điềm lành, cho sự phồn thịnh. Chính vì vậy, ở di tích đình Trần Thượng Xuyên hình tượng rồng xuất hiện khá nhiều ở các hạng mục khi thì rồng châu nhật (Lưỡng Long Châu Nhật), khi thì rồng tranh châu (Lưỡng Long Tranh Châu) trên các mái đình; lúc rồng vờn mây, cuộn khúc vòng lên vòng xuống trên các hương án, cột đình...



Chạm khắc rồng trên hương án ở chánh điện





### **Rồng đắp nổi trên hương án ở chánh điện**

Ngoài ra, hình tượng phượng cũng thấy xuất hiện khá nhiều trên các chi tiết chạm khắc ở đình Tân Lâm như mái đình, bao lam, hương án... Phượng có tên đầy đủ là phượng hoàng, phượng là giống đực, hoàng là giống cái, đó là nguyên lý âm dương về sau người ta chỉ gọi là phượng.



### **Chim phượng bằng gốm trên mái đình**



**Chim phượng trên hương án ở chánh điện**

Hình tượng phượng ở đình Tân Lâm vừa thể hiện tính oai dũng của chúa tể đứng đầu 360 loài chim; vừa thể hiện vẻ đẹp và sự mềm mại thanh lịch duyên dáng và đặc biệt là kết hợp của cảm kê và công. Phượng được mô tả có bộ lông rực rỡ, đầu là đầu chim trĩ, mỏ là mỏ gà trống khuôn theo hình mây. Mỏ của loài chim nhọn, dưới có chùm lông giống râu, cổ là cổ rùa; lông của nó mượt như lụa, óng ánh rực lửa. Phượng có 5 màu sắc tượng trưng cho 5 đức tính: ngay thẳng, lương thiện, công bằng, chung thủy và lòng khoan dung. Về mặt ý nghĩa, sự xuất hiện phượng là báo hiệu điềm lành, xã hội thái bình, công bằng, nhân dân ấm no hạnh phúc...

Hình tượng lân (kỳ lân) xuất hiện ở bức bình phong, hệ thống bao lam, hương án hoặc trước cổng chính của đình Tân Lâm. Ngoài ra kỳ lân còn được ứng dụng rộng rãi trong văn hóa Việt Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng từ khá sớm. Kỳ lân là vật linh đứng hàng thứ ba trong bộ tứ linh<sup>2</sup>. Cũng như tên phượng hoàng, kỳ lân vốn là tên bao hàm cả dương tính và âm tính, kỳ là giống đực còn lân là giống

<sup>2</sup> Tứ linh của đất gồm long, lân, quy, phượng, tuy nhiên cách sắp xếp như vậy mục đích để đọc cho thuận tiện dễ nhớ. Về nguyên tắc long (rồng) đứng trước, rồi đến phượng (phượng hoàng), lân (kỳ lân) và cuối cùng là rùa (quy). Tứ linh của trời nhằm chỉ phương hướng gồm thanh long (đông), bạch hổ (tây), chu tước (nam), huyền vũ (bắc).

cái. Kỳ lân có một sừng (đôi khi có hai sừng) nhưng mềm như thịt chứ không cứng như các loài vật khác. Thân kỳ lân có vẩy và có nhiều tia lửa bay ra từ vai và khuỷu chân. Về mặt ý nghĩa kỳ lân là con vật công minh hết mực, cực kỳ duyên dáng, hiền lành, là mẫu mực đạo đức, là con vật cao quý trong các loại thú. Chính những đặc điểm đó mà kỳ lân là biểu tượng cho thánh nhân, hoặc báo hiệu những điềm tốt lành, có thể là sự ra đời của một vĩ nhân, một đấng chúa tể biết được những điều bí ẩn của vũ trụ hoặc một triều đại công minh..



### **Kỳ lân bằng gốm trên bình phong**

Ở Việt Nam kỳ lân cũng được du nhập vào rất sớm. Sách “*Hoa văn Việt Nam – từ tiền sử đến nửa đầu thời kỳ phong kiến*” của Nguyễn Du Chi có viết như sau: “*Từ thời lý đã được chú ý đến loại đề tài này. Tuy nhiên, đọc sách vở thấy kỳ lân có nhiều nét giống tê giác, nên năm 1057 triều đình nhà Lý đã mang hai con này qua Quảng Châu định cống vua Tống và nói là kỳ lân. Vì người Trung Quốc tin rằng chỉ có thánh nhân ra đời mới có kỳ lân xuất hiện nên các quan nhà Tống đã cãi nhau sôi nổi về việc con vật được cống nạp này...*”.

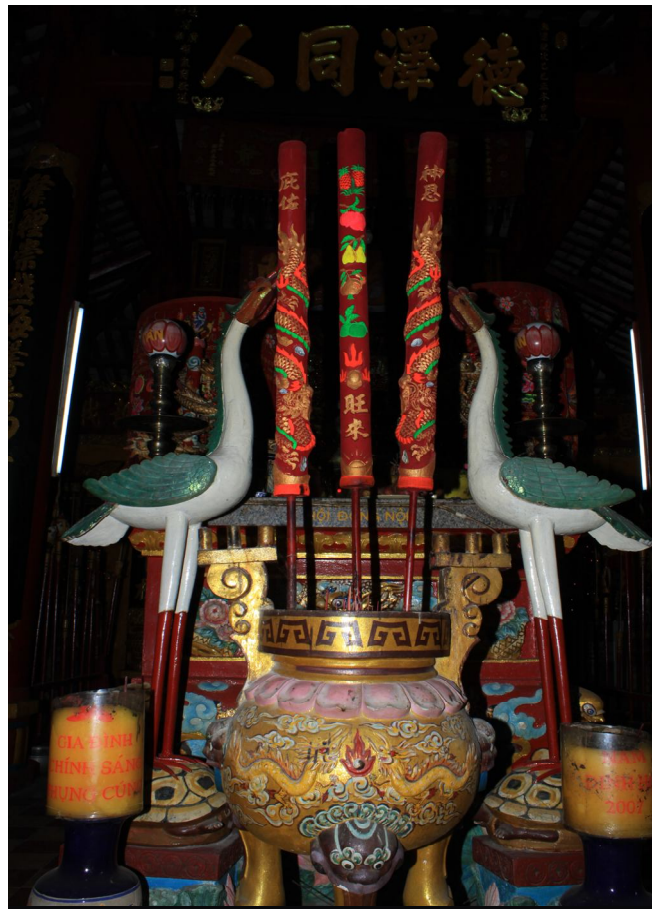


### Đắp nổi tứ linh trên hương án của đình

Cùng với long, phượng, lân, quy (rùa) cũng là con vật được nghệ nhân xưa tạo tác, chạm khắc khá nhiều ở các hạng mục như bao lam, hương án... của di tích đình Tân Lâm. Khác với 3 con vật linh trên, rùa là hình tượng lấy từ sinh vật có thực trong tự nhiên. Vì tuổi thọ rùa cao nên được xem là biểu tượng của sự bất tử, sự trường thọ. Do vậy, khi xây dựng các công trình kiến trúc, đặc biệt là các di tích thờ tự như đình, miếu hình tượng con rùa thường được làm các đề tài trang trí để các bậc tiền nhân gửi gắm những ước vọng của mình về sự trường tồn của di tích, về sự trường tồn của dân tộc... Ngoài ra, mỗi khi nhắc tới rùa ở các ngôi đình, chùa người ta thường liên tưởng đến câu ca dao: *“Thương thay thân phận con rùa; Ở đình đội hạc, lên chùa đội bia”*. Câu cao trên đã cho thấy rất rõ hình ảnh chúng ta thường hay gặp mỗi khi đến với các di tích thờ tự ở Đồng Nai nói riêng và cả nước nói chung. Trong văn hóa Việt Nam hình tượng rùa, chim hạc, văn bia đều tượng trưng cho sự trường tồn, do đó sự kết hợp này cho thấy những ước vọng lớn lao của bao thế hệ tiền nhân.



**Đắp nổi quy (rùa) trên hương án của đình**



**Rùa đội hạc – hình ảnh quen thuộc trong văn hóa Việt Nam**

Ngoài vật linh trong nhóm tứ linh, các loài chim, thú mang tính biểu tượng cho phúc, lộc, thọ như dơi, chim trĩ, nai, hươu... cũng được các nghệ nhân xưa tạo tác ở các hạng mục của di tích. Các đề tài chạm khắc được thể hiện trên nhiều chất liệu (gỗ, gỗ, xi măng); nội dung hình ảnh đề tài đa dạng, sinh động và được sơn son thếp vàng nổi bật.

Ở di tích đình Tân Lâm, nghệ thuật chạm khắc hoa văn về các loài hoa như mai, lan, cúc, trúc, sen, dây hoa lá... xuất hiện khá nhiều trên các chi tiết kết cấu công trình như kèo, xuyên trính, hoành phi, bao lam, hương án... với kỹ thuật chạm lộng, chạm thủng một cách tinh xảo và sống động, phản ánh những quan niệm về thế giới quan và nhân sinh quan của các nghệ nhân xưa.



**Khảm trai đề tài Mai – Điếu trên hương án      Nghệ thuật chạm khắc trên bao lam di tích**

Đặc biệt, đến với di tích đình Tân Lâm, ấn tượng đầu tiên đập vào mắt của du khách là quần thể tượng trên mái đình rất độc đáo phản ánh rõ nét các quan niệm, những ước vọng của các bậc tiền nhân xưa. Nét cổ kính, trầm mặc như phủ lớp bụi của thời gian thể hiện rõ từ trên chóp mái, bờ đao, với lối trang trí rất đặc trưng của quần thể tượng do các nghệ nhân người Hoa Quảng Đông làm. Về nguồn gốc của

quần thể tượng tại đình Tân Lâm, đến nay vẫn tồn tại song song hai giả thuyết: một là do các nghệ nhân người Hoa (gốc Quảng Đông) làm tại các lò gốm Cây Mai nổi tiếng một thời vùng Gia Định. Giả thuyết thứ hai là do nhóm người Hoa mua mang từ Trung Quốc sang. Giả thuyết thứ hai được nhiều nhà nghiên cứu đồng tình nhất, bởi trước đó, màu men và cách trang trí trên các sản phẩm gốm Biên Hòa còn khá đơn điệu nhưng đến quần thể gốm ở di tích đình Tân Lâm màu men và cách trang trí đa dạng. Ở Đồng Nai kiểu trang trí quần thể tượng gốm men xanh Quảng đặc trưng như đình Tân Lâm còn thấy ở các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng của người Hoa như Chùa Ông (xã Hiệp Hòa), chùa Bà Thiên Hậu (phường Hòa Bình, phường Bửu Long) hoặc các di tích có ảnh hưởng với văn hóa Hoa như đình Bình Thạch (xã Bình Hòa, Vĩnh Cửu).



**Quần thể tượng gốm trên mái đình di tích**

Nhìn xa, quần thể tượng dùng để trang trí trông khá rối, nhưng nếu tiếp cận ở khoảng cách gần, đi sâu vào chi tiết, sẽ thấy ở đó những câu chuyện được miêu tả cực kỳ sống động, thể hiện đời sống sinh hoạt thường ngày của con người, hay những ước vọng của các bậc tiền nhân hoặc những cảnh lấy từ trong tiểu thuyết chương hồi cổ điển Trung Hoa. Có thể thấy, kết cấu các quần thể tiểu tượng ở di tích đình Tân Lâm gồm hai thành tố:

+ Quần thể tượng dùng để trang trí và thể hiện các nghi thức

+ Quần thể tượng có nội dung cụ thể



**Nhóm tượng dùng để trang trí và thể hiện nghi thức**



**Nhóm tượng có nội dung cốt truyện cụ thể**



Quần thể tượng dùng để trang trí và thể hiện nghi thức được bố trí thành hàng ngang trên bờ nóc, có chức năng tạo các ý nghĩa biểu trưng cao. Đó là “Rồng Châu Pháp Lam” trên những vầng sóng nước giữa nóc đình, đối xứng hai bên là cặp lân và cá hóa rồng, ngoài cùng là hình tượng mũi thuyền biểu tượng của sự thịnh vượng. Quần thể tượng có nội dung cụ thể gồm cụm tiểu tượng được bố trí bên dưới: một loạt dãy hậu cảnh là các lầu đài hai ba tầng, có người đứng ở khung cửa và tiền cảnh là một cụm tượng đang biểu đạt một điển tích. Theo Huỳnh Ngọc Trảng, Nguyễn Đại Phúc trong sách “Gốm Cây Mai – Sài Gòn xưa” thì đây là nhóm tượng thể hiện: *“cảnh thiếu nữ gieo sêu, cảnh diễn võ đài, cảnh tiễn đưa, cảnh diễn hí – tấu nhạc, cảnh vinh quy bái tổ, cảnh uống rượu đánh cờ, cảnh để thơ ngâm vịnh...”*. Xen lẫn với quần thể tượng là các mảng trang trí khác như phượng, rùa, mai, cúc, sen, dây hoa lá cách điệu... Ngoài ra chúng ta còn thấy các đề tài cảnh vật cặp đôi: Liên – Áp, Mai – Điểu, Phù dung – Phụng, Tùng – Lộc... Toàn bộ mặt trước của đình là các mảng trang trí độc đáo và cực kỳ sinh động với nhiều chủ đề biểu tượng cho sự thịnh vượng, trường thọ, như ý, hay đề tài có tính chất tả thực *“đã làm cho tập hợp các quần thể tiểu tượng mở ra những không gian thoáng đãng, đưa thiên nhiên vào với lầu đài, với đám người đông đúc có phần chật chội, đem chất tươi mát hòa vào sự hoành tráng có phần bề bộn”*<sup>3</sup>.

Đặc biệt, đình Tân Lân là nơi lưu giữ nhiều di sản văn hóa của các thế hệ ông cha để lại thông qua các bức bao lam, hoành phi, liễn đối sơn son thếp vàng, hàm chứa bên trong nhiều điển tích, điển cố có giá trị lịch sử, văn hóa cao, thu hút nhiều tầng lớp nhân dân đến chiêm ngưỡng, nghiên cứu. Các hoành phi, liễn đối chữ Hán ở đình Tân Lân được chạm khắc tỹ mỹ, phân bố từ trước vào trong, từ trên xuống dưới trên các chất liệu khác nhau như gỗ, xi măng... Đó là các cặp liễn đối sơn son thếp vàng và chạm khắc rất công phu và độc đáo treo trước các gian thờ. Ngoài chức năng trang trí, nó là những lời ca ngợi công đức của các bậc thánh nhân, tiền hiền, hậu hiền; còn là lời dạy bảo, khuyên nhủ, là những nguyện ước của cha ông nhắn nhủ cho các thế hệ con cháu mai sau tu luyện bản thân và cư xử ở đời cho phải đạo làm người và truyền thống của dân tộc. Hiện nay, đình Tân Lân có 14

<sup>3</sup> Xem Huỳnh Ngọc Trảng, Nguyễn Đại Phúc: “Gốm Cây Mai – Sài Gòn xưa”, NXB Trẻ, 1994.

hoành phi (12 khắc âm trên gỗ; 01 khắc nổi trên gỗ và 01 viết trên gỗ); 16 cặp liên đối (2 khắc âm trên gỗ; 02 khắc nổi trên gỗ; 10 đắp nổi trên xi măng; 02 viết trên xi măng).

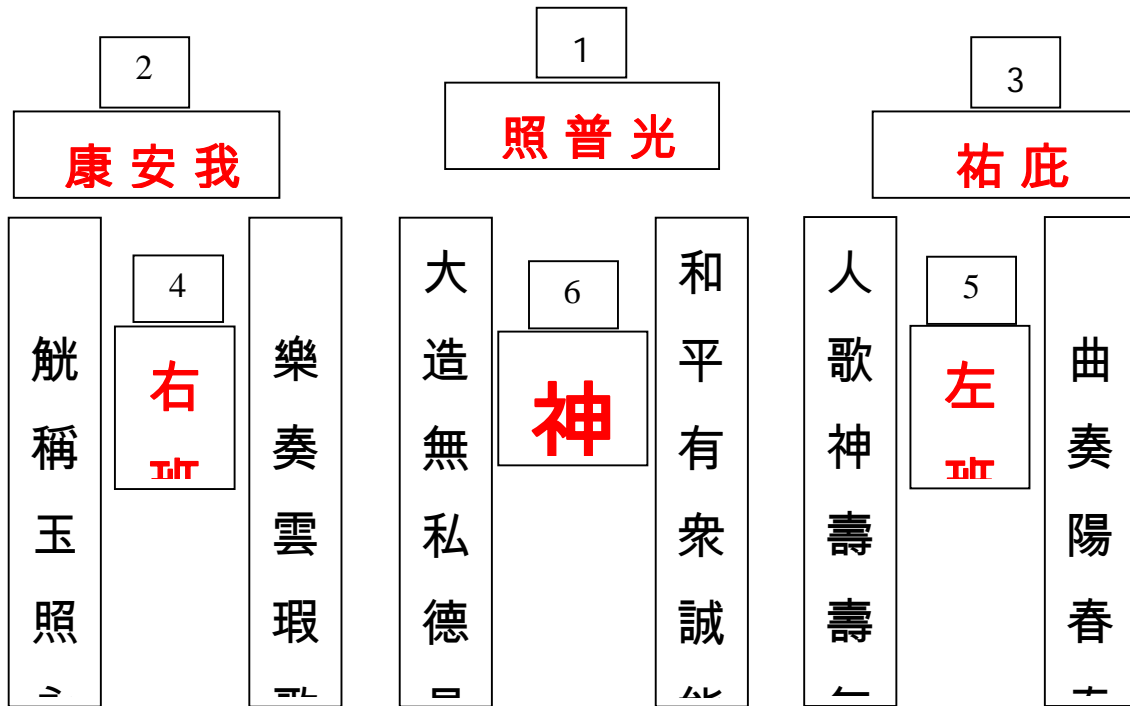


Hệ thống liên đối, bao lam của di tích đình Tân Lân



Hoành phi của di tích đình Tân Lân

- Một số liên đới và hoành phi bằng chữ Hán của Chánh điện đình Tân Lâm:



**Phiên âm/Tam dịch:**

**1-Thần quang phổ chiếu/ánh Thần chiếu khắp**

**3/2: Thần ân tí hựu/Hộ ngã an khang**

Ơn Thần giúp đỡ / Giúp con an khang

**6 -THẦN**

**Hoà bình hữu tượng; thành năng cách/Đại tạo vô tư : Đức thị thân**

Hoà bình điềm hiện: thành hay cảm cách /Tạo hoá vô tư : Đức vốn bên mình

**5-Tả ban**

**Khúc tấu Dương xuân, Xuân bất lão/Nhân ca Thần thọ, thọ vô cương**

Khúc tấu “Dương xuân”, Xuân tươi mãi / Nhân ca Thần thọ, thọ muôn năm

**4-Hữu ban**

**Nhạc tấu vân hà, ca cảnh phúc/Quang xưng ngọc chiếu vĩnh an khang**

Nhạc tấu vân hà, ca phước lớn / Chén sùng ngọc chiếu, mãi an khang

Ngoài ra giá trị của di sản chữ Hán của đình Tân Lân còn được thể hiện trên sắc phong được vua Tự Đức ngũ niên (1852) ban tặng. Có thể nói, sắc phong là một di sản văn hóa có ý nghĩa vô cùng quan trọng, có tính thiêng liêng cao, là niềm tự hào của mọi người dân trong làng. Sắc phong là sự công nhận hợp pháp của nhà nước phong kiến đối với đình thần làng mình. Sắc phong được vua ban cho các đình, công nhận công đức của vị thần mà đình làng thờ trong việc bảo vệ đất nước, giúp đỡ và bảo hộ dân làng. Sắc phong là vật thiêng, cao quý, có giá trị nên được dân làng cất giữ cẩn trọng, không thể tùy tiện mở ra. Theo quy định từ xưa: Sắc phong thường được cất giữ ở nhà hương chức, những thành viên trong Ban Tế tự - những người có đủ uy tín, phẩm hạnh; hoặc để trực tiếp ở đình...



### Sắc phong của đình Tân Lân

Hàng năm, vào lễ Kỳ yên đình Tân Lân tổ chức lễ rước sắc đi chu du khắp Biên Hòa để Đức Ông mục thị cuộc sống của nhân dân sở tại. Sắc được làm thủ công bằng chất liệu giấy, màu vàng, gồm có mặt trong và mặt ngoài. Mặt trong trang trí hình rồng mây (nhũ bạc), rồng trong tư thế bay lên theo hướng từ phải qua trái (đầu rồng ngậm triện đỏ nằm ở khoảng hai phần ba góc trái của tờ sắc, đuôi rồng bên góc phải), bao quanh bề mặt sắc là hình tượng rồng mây, các chấm tròn nhũ bạc tất cả nằm gọn trong khung bao họa tiết hình học (khung này bao quanh

bốn phía của sắc). Bên trên mặt sắc chép 81 chữ Hán theo thứ tự từ phải qua trái phân bố thành 06 dòng viết từ trên xuống dưới, giữa mỗi dòng với nhau có độ cao thấp, số lượng các chữ khác nhau (theo quy ước của triều đình). Cụ thể dòng này cách dòng kia khoảng 2cm, chữ cách chữ 0,5cm; dòng nhiều nhất 17 chữ, ít nhất 09 chữ.

Nội dung sắc phong đình Tân Lâm được phiên âm, dịch nghĩa như sau:

敕新鄰城隍之神原贈保安正  
神護國庇民稔著靈應肆今  
耿命緬念神庥可加贈保安正直  
之神仍準福正縣新鄰村依  
其相佑保我黎民欽哉床阿  
嗣德五年拾壹月貳

**+ Phiên âm:**

Sắc Tân Lâm Thành hoàng chi Thần, nguyên tặg Bảo an, Chính trực, Hựu thiện chi Thần hộ quốc tí dân, nhằm trừ linh ứng. Tứ kim phi ung Trần tướng cảnh mệnh miến niệm Thần hựu, khả gia tặg Bảo an, Chính trực, Hựu thiện, Đôn ngưng chi Thần. Nhưng chuẩn Phước Chánh huyện, Tân Lâm thôn y cựu phụng sự. Thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân. Khâm tai! Ma A Gia tặg quan Trần.

Tự Đức ngũ niên, thập nhất nguyệt, nhị thập cửu nhật.

**+ Tạm dịch:**

Sắc cho Thần thành hoàng làng Tân Lâm, vốn đã được phong là Thần Bảo an, Chính trực, Hựu thiện đã phù giúp đất nước, che chở con dân, từ lâu từng tỏ rõ linh ứng. Nay (trẫm) hết lòng lãnh mạng, luôn nghĩ tới ơn Thần (Trần tướng ?) phù giúp, xứng gia phong là Thần Bảo an, Chính trực, Hựu thiện, Đôn ngưng. Vẫn chuẩn cho làng Tân Lâm, huyện Phước Chánh thờ phượng như lệ cũ. Thần hãy giúp đỡ, giữ gìn con dân của trẫm.

Hãy hết lòng vâng theo sắc mệnh ! Ma A Gia tặg quan Trần (?)

Năm Tự Đức thứ năm, tháng 11 ngày 29./

Bên cạnh văn hóa vật thể, giá trị của di tích đình Tân Lâm còn thể hiện qua các lễ cúng hàng năm, trong đó đặc sắc và nổi bậc nhất là lễ cúng kỳ yên được tổ chức vào ngày 23 -24 tháng 10 Âm lịch. Thông qua lễ kỳ yên, các giá trị di sản văn hóa của dân tộc được bảo tồn và truyền thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác. Các giá trị di sản văn hóa đó là ngôn ngữ (văn cúng, văn tế), nghi lễ, nghệ thuật diễn xướng (hát bội, Bóng rối – Địa Nàng), phong tục, tập quán (trò chơi dân gian, quy định ứng xử)... Ngoài ra lễ kỳ yên là nơi cố kết các quan hệ cộng đồng giúp cho nhân dân hun đúc tinh thần yêu nước, đoàn kết vượt qua những khó khăn thách thức trong cuộc sống. Lễ cúng kỳ yên đình Tân Lâm được tổ chức quy mô, có đầy đủ các nghi lễ truyền thống như lễ khai kinh cầu an, lễ cúng nhập đàn, lễ cung thỉnh sắc Ông đi chu du, lễ Tĩnh sanh, lễ Tiên yết, lễ Xây châu Đại bội... có sự tham gia đông đảo cộng đồng Hoa, Việt.

Thông qua lễ hội cúng đình nói chung và đình Tân Lân nói riêng đã đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần, tâm linh, giải quyết những khát khao, những ước mơ của cộng đồng các dân tộc ở địa phương. Qua lễ hội cúng đình Tân Lân tạo cho con người niềm lạc quan yêu đời, yêu chân lý, trọng cái thiện và làm cho tâm hồn, nhân cách mỗi con người như được sưởi ấm tình nhân đạo, nhân văn để rồi thấm thấu vào cuộc sống đời thường, đáp ứng nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần, tâm linh về giao lưu, làm cho đời sống có ý nghĩa hơn, tốt đẹp hơn. Ngoài ra, lễ hội cúng đình Tân Lân là nơi giúp cho người dân hưởng thụ và giải trí sau những tháng ngày làm việc căng thẳng, mệt nhọc. Đến với lễ hội cúng đình ngoài sự “hòa nhập” hết mình trong các hoạt động của lễ hội, được “hóa thân” đóng một vai trong hội hay thưởng thức các trích đoạn trong các vở tuồng cổ, tất cả mọi người đều được hưởng những lễ vật mà mình dâng cúng, đều được tham gia vào các hoạt động vui chơi, giải trí trong quá trình tổ chức.



**Đoàn thỉnh sắc phong vi hành trên các phố ở Biên Hòa**



**Nghi lễ tỉnh sanh**



**Nghi đọc văn cúng –văn tế trong lễ hội kỳ yên**





### Hát bội trong lễ hội kỳ yên

Đặc biệt, hiện nay ở Biên Hòa – Đồng Nai vẫn còn lưu truyền một số tục lạ mà theo các nhà nghiên cứu nhận định có liên quan đến Đức Ông Trần Thượng Xuyên. Tục thứ nhất là việc kiêng kỵ với màu đỏ, nhân dân thường không được sử dụng màu đỏ cho trang phục và phương tiện đi lại của mình. Đây là luật bất thành văn, có lẽ phổ biến từ thời hoàng kim nhất của Đức Ông Trần Thượng Xuyên và trở thành một điều tự nguyện cấm kỵ sau ngày ông mất để bày tỏ, thể hiện lòng tôn kính với bậc tiền nhân. Tục thứ hai, là làm nhà mới không tổ chức ăn mừng tân gia. Ngày xưa, các vị cao niên thường dạy rằng: đã là dân Biên Hòa thì làm nhà mới thì không được tổ chức tân gia. Theo quan niệm của người dân sở tại nếu gia chủ tổ chức tiệc tân gia thì điều đó sẽ khiến gia đình gặp những điều không hay, gia đình bất hòa... Giải thích về tục lạ này, nhiều bậc cao niên cho rằng xuất phát từ thời nhóm cư dân theo danh tướng Trần Thượng Xuyên đến lập phố, khai đất Bến Gỗ và Cù Lao Phố. Vì là con dân nhà Minh, mang mối hận nhà Thanh mà xa cơ thất thế, phải bỏ xứ lưu vong trôi dạt xứ người, lòng luôn nhớ về cố hương nên từ đó mà tục không ăn tân gia ra đời.

## V/ BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ LỊCH SỬ - KIẾN TRÚC NGHỆ THUẬT DI TÍCH ĐÌNH TÂN LÂN

### *1) Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.*

Trong những năm qua, hoà chung với các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, tỉnh Đồng Nai đã thực hiện chính sách đổi mới, mở cửa, thực hiện nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chính vì vậy các yếu tố của đô thị, của kinh tế hàng hóa, của văn hóa bên ngoài đang hằng ngày, hằng giờ tác động một cách tích cực và tiêu cực đến đời sống văn hoá – xã hội của các cộng đồng dân cư đã ổn định từ bao đời nay. Mặt tích cực là sự tăng trưởng kinh tế, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại để từng bước phát triển đời sống vật chất cũng như tinh thần của các cộng đồng dân cư. Được sự quan tâm của các cấp chính quyền với sự đồng thuận, nhận thức cao của các cộng đồng dân tộc nên nhiều lễ hội văn hoá dân gian truyền thống, nhiều di tích được trùng tu tôn tạo và tổ chức rất công phu, thu hút đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia, hưởng ứng. Song mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động đến truyền thống văn hóa của các thế hệ tiền nhân bao đời gây dựng hết sức nặng nề. Nhiều lễ hội văn hoá dân gian độc đáo của dân tộc mình đã mất đi do không còn được tổ chức; một số lễ hội dân gian truyền thống được các cộng đồng dân tộc cố gắng gìn giữ, duy trì nhưng không còn giữ bản sắc văn hóa dân tộc như vốn có...

Gìn giữ và phát huy những giá trị di sản văn hoá truyền thống của dân tộc để phục vụ cho chiến lược phát triển đất nước một cách bền vững là nhiệm vụ hết sức quan trọng. Tại nghị quyết lần thứ V Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng khoá VIII đã chỉ rõ: “... *Xây dựng và phát triển nền văn hoá dân tộc tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu những tinh hoa văn hoá nhân loại, làm cho văn hoá thấm sâu vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, tạo ra trên đất nước ta đời sống tinh thần cao đẹp, trình độ dân trí cao, khoa học phát triển, phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, tiến bước vững chắc lên CNXH*”. Nhận thức được tầm quan trọng của văn hoá dân tộc, đặc biệt là các lễ hội dân gian truyền thống của các

cộng đồng dân tộc anh em trong quá trình hội nhập và phát triển đất nước cũng như ở từng địa phương, đặc biệt là vùng đất “*địa linh nhân kiệt*” Đồng Nai đang trong quá trình đô thị hoá một cách nhanh chóng, nên trong những năm qua, bằng nguồn kinh phí địa phương và nhà nước các cấp các ngành chức năng đã đầu tư, thực hiện nhiều đề tài, dự án nhằm bảo tồn và phát huy những tinh hoa, kiệt tác của các cộng đồng dân tộc. Nhiều đề tài văn hóa được Bảo tàng Đồng Nai đầu tư nghiên cứu như Nghề thủ công truyền thống Thạnh Phú, Di sản văn hóa làng Hiệp Phước, Lễ hội văn hóa dân gian, Nhà cổ ở Đồng Nai, Văn cúng – Văn tế Hán Nôm... đã góp phần quan trọng trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản, đặc biệt là công tác gìn giữ và phục hồi các lễ hội văn hóa dân gian ở Đồng Nai. Ngoài ra, thông qua các đề tài, dự án các nhà nghiên cứu, những người làm công tác văn hóa được tiếp cận, tìm hiểu văn hóa truyền thống đặc sắc của các cộng đồng dân tộc ở địa phương. Đồng thời việc đầu tư nghiên cứu về lịch sử, đặc điểm, vai trò, ý nghĩa, diễn trình và các vấn đề nội dung khác có liên quan đến từng di tích lịch sử, văn hóa nghệ thuật, lễ hội văn hóa dân gian truyền thống sẽ là những cứ liệu quan trọng, hữu ích giúp cho mọi người có cách nhìn toàn diện, sâu sắc hơn về đất nước, con người Đồng Nai.

## ***2) Bảo tồn và phát huy giá trị lịch sử - kiến trúc nghệ thuật di tích đình Tân Lâm.***

Di tích đình Tân Lâm là một công trình kiến trúc nghệ thuật có giá trị cao, được các thế hệ người Hoa – Việt gìn giữ, tôn tạo suốt hơn 100 năm qua. Hiện nay, di tích vẫn còn bảo lưu nhiều hạng mục công trình có giá trị văn hóa độc đáo, mang tính thẩm mỹ cao như hệ thống bao lam, hoành phi, liễn đối. Hệ thống vì kèo, mái ngói, bờ đao... được các ngành chức năng, Ban Quý tế đình, cùng bá tánh, nhân dân thường xuyên tu bổ, tôn tạo hàng năm nhằm đảm bảo tính nguyên bản của di tích trước những tác động của môi trường thiên nhiên và thời gian. Các lễ hội văn hóa dân gian của di tích như lễ cúng bà, cúng ông, lễ kỳ yên... được nhiều thế hệ Ban Quý tế tổ chức hàng năm nhằm gìn giữ các lễ tục trọng và đầy đủ. Chính nhờ vậy, hàng năm vào dịp lễ hội kỳ yên, hàng ngàn bá tánh gần xa đến lễ bái và tham gia vào các hoạt động của đình, tạo ra không gian văn hóa đặc

sắc của tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra, hàng năm nơi đây còn thu hút các đoàn học sinh, du lịch, các nhà nghiên cứu đến tham quan và tìm hiểu về giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc nghệ thuật...

Tuy nhiên, việc bảo tồn và phát huy lịch sử - kiến trúc nghệ thuật chưa tương xứng với giá trị và tiềm năng của di tích đình Tân Lâm. Trong quá trình phát triển đô thị đã làm ảnh hưởng đến kết cấu của công trình. Trước đây, hệ thống bình phong, sân đình là một tổng thể mang tính liên hoàn với các công trình thờ tự của di tích. Do quá trình mở mang đô thị, đường xá, nhà nước cho xây dựng đường Nguyễn Văn Trị, chia cắt sân đình, bình phong với các hạng mục còn lại, làm ảnh hưởng đến ý nghĩa, thuật phong thủy, cảnh quan và không gian thiêng của di tích. Các công trình phụ trợ, bãi đỗ xe ô tô phía sau di tích thiết kế chưa thật hợp lý, phần nào ảnh hưởng đến vẻ mỹ quan của công trình. Tường rào, hệ thống điện (dây, đèn trang trí) còn mang tính chất tạm bợ, nhiều chỗ nhiều nơi khá rối.

Đặc biệt, việc quan tâm, đầu tư nghiên cứu và bảo tồn còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hết giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của di tích. Quần thể tượng gồm trên mái ngói, bờ đao, tiền sảnh... đến nay vẫn chưa thấy có một công trình nghiên cứu, giải mã nội dung (niên đại, nguồn gốc, chất liệu, kỹ thuật, nội dung...) nhằm xác định các giá trị để có những biện pháp bảo tồn và phục chế. Hệ thống di sản chữ Hán (hoành phi, liễn đối, văn tế, sắc phong) do sự tác động của thời gian và lịch sử nhiều nơi bị hư hỏng. Đặc biệt là sắc phong từ thời Tự Đức thứ năm (1852) đã bị rách nhiều nơi, nếu không có biện pháp hữu hiệu e rằng trong vài năm nữa sẽ không còn.

Di tích đình Tân Lâm là nơi lưu giữ nhiều giá trị lịch sử kiến trúc nghệ thuật nhưng hàng ngày vẫn vắng bóng khách đến tham quan, chiêm ngưỡng (trừ các dịp cúng tế định kỳ hàng năm). Số lượng các đoàn học sinh, sinh viên đến tìm hiểu di tích còn quá khiêm tốn. Các công ty du lịch, lữ hành chưa mặn mà đưa du khách đến đây. Cơ quan quản lý, các nhà nghiên cứu chưa thấy có công trình nghiên cứu, hoặc đề án xây dựng riêng để bảo tồn và phát huy giá trị di tích. Phải chăng đã đến lúc chúng ta cùng chung tay, xây dựng những giải pháp và định hướng nhằm bảo tồn và phát huy giá trị, để di tích mãi trường tồn cùng với dân tộc Việt Nam. Với

mong muốn đó, bản thân tôi xin mạnh dạn đưa ra một số giải pháp để các nhà quản lý tham khảo, nếu có gì chưa đúng xin lượng thứ bỏ qua:

- Một là, kêu gọi ngành chức năng, các thành phần xã hội quan tâm, đầu tư đến di tích nói chung và đình Tân Lâm nói riêng. Đây là cách chúng ta huy động sức mạnh tổng lực của toàn xã hội để tiến hành điều tra, sưu tầm, thu thập, nghiên cứu, giải mã các giá trị văn hóa phi vật thể của di tích. Thông qua công tác điều tra, nghiên cứu, sưu tầm các giá trị văn hóa sẽ được xác định, đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ, đúng bản chất. Trên cơ sở đó, các nhà nghiên cứu, quản lý sẽ hoạch định chính xác các biện pháp, chính sách nhằm bảo tồn và phát huy giá trị của di tích.

- Hai là, tăng cường vai trò quản lý, tổ chức, hướng dẫn của nhà nước đối với các hoạt động quản lý, bảo tồn, trùng tu, tôn tạo di tích. Đây là nội dung chiến lược, là biện pháp quan trọng nhằm đảm bảo tính nguyên tắc, đồng nhất và ổn định lâu dài. Thực tiễn đã chứng minh trong suốt nhiều năm qua, chính sách, thông tư, nghị định, quy định, hướng dẫn về việc bảo tồn và phát huy giá trị của di tích chưa phát huy hiệu quả, đôi khi có sự xung đột lợi ích giữa bảo tồn và phát huy với quá trình phát triển kinh tế, hội nhập, giao lưu quốc tế mà phần thua thiệt luôn thuộc về di sản (trong đó có di tích). Thiết nghĩ, chúng ta phải đầu tư, nghiên cứu làm sao xây dựng được các biện pháp đồng bộ, khả thi, đáp ứng đúng và đủ yêu cầu, nguyện vọng của di tích, người tham gia quản lý và chủ thể đang thực hành, nghệ nhân nắm giữ các bí quyết... Chính sách để bảo tồn và phát huy di tích phải cụ thể, quyền lợi ưu tiên luôn thuộc về di tích và chủ thể đang nắm giữ di sản. Các cơ quan chức năng, nghiệp vụ như Sở VH-TT-DL, Ban Quản lý di tích và danh thắng, Bảo tàng... phải phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc định hướng trùng tu, tôn tạo, bảo quản di tích, tránh tình trạng đầu tư, xây dựng tùy tiện, chủ quan có thể dẫn đến phá vỡ không gian và biến dạng di tích. Kết hợp với chính quyền địa phương, nơi có di tích, để cùng có trách nhiệm trong việc bảo vệ nguyên trạng khu di tích, nhất là tình trạng lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép và các tác động khác từ bên ngoài hoặc biến khu vực di tích thành các điểm kinh doanh, môi chài mua bán, hoạt động mê tín dị đoan...

- Ba là, hàng năm bằng nguồn ngân sách Trung ương, địa phương hoặc xã hội hóa, nhà nước nên đầu tư cho các cơ quan, đơn vị chuyên môn, nhà nghiên cứu để tổ chức nghiên cứu chuyên sâu từng nội dung, từng chi tiết của công trình, kết cấu di tích đình Tân Lâm như quần thể tượng gốm, di sản chữ Hán, Nôm trên hoành phi liễn đối, Sắc phong, các đề tài trang trí, chạm khắc... Đặc biệt, ở di tích đình Tân Lâm có hai vấn đề đòi hỏi các cơ quan chức năng nhanh chóng vào cuộc để nghiên cứu, đó là: nghiên cứu, giải mã nội dung của quần thể tượng gốm trên mái đình, bờ đao của di tích để xác định nội dung, chất liệu, màu men, niên đại... để đánh giá thực trạng mà có biện pháp bảo vệ, phục hồi. Quần thể tượng gốm của đình Tân Lâm tính đến nay đã trên dưới trăm năm, dưới dòng chảy của lịch sử và thời gian các tượng gốm cũng phần nào bị tác động nếu không có biện pháp kịp thời e rằng một thời gian tới sẽ mất đi mà không có gì có thể thay thế được. Vấn đề quan tâm thứ hai là hệ thống chữ Hán, Nôm trên các hoành phi, liễn đối, sắc phong, văn cúng, văn tế... chưa thấy có một công trình nghiên cứu nào một cách có hệ thống, quy mô. Nhiều văn bản chữ Hán do quá trình bảo quản, sử dụng chưa đúng cách nên ảnh hưởng đến tính nguyên bản như liễn đối bị đặt sai vị trí, sắc phong bị rách... Do đó, việc đầu tư nghiên cứu sẽ làm rõ các nội dung liễn đối, hoành phi mà bao lớp tiền nhân tạo lập, gửi gắm cho thế hệ mai sau. Đặc biệt, xây dựng các kế hoạch cụ thể để nghiên cứu, phục chế sắc phong bị rách của đình là một việc cần làm ngay. Bởi sắc phong là vật thiêng liêng, là vật cao quý và duy nhất được triều đình nhà Nguyễn ban tặng cho Đức Ông, nếu không có hướng phục chế, và biện pháp bảo quản thì một ngày không xa sắc sẽ bị mối mọt làm hư hại như nhiều sắc phong ở các đình khác.

- Bốn là, đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho đội ngũ quản lý di tích (gồm cán bộ nhà nước và Ban Quý tế, các nghệ nhân...). Đây là giải pháp quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, mang tính bền vững và đạt hiệu quả cao. Việc đầu tư nâng cao năng lực quản lý, trùng tu, khai thác di tích phải được tổ chức bài bản, khoa học, có kế hoạch cụ thể. Thực trạng chung trong nhiều năm qua, cán bộ ngành quản lý di tích nước ta còn thiếu và yếu, phần nào ảnh hưởng đến công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản. Thỉnh thoảng ở đâu đó chúng ta vẫn thường hay gặp tình trạng di tích bị xâm hại, việc quản lý, trùng tu còn nhiều điều bất cập mà

nguyên nhân chính là trình độ chuyên môn còn yếu kém. Trước đây, đất nước ta còn gặp nhiều khó khăn do chiến tranh, lạc hậu, đôi khi trong quá trình bảo quản, trùng tu di tích chưa đáp ứng yêu cầu là việc tạm chấp nhận, nhưng ngày nay, đất nước ta đã đủ điều kiện kinh tế, nhân lực thì việc di tích bị xâm hại do tác động của con người là không thể chấp nhận. Do vậy, để giải quyết dứt điểm tình trạng này, điều trước tiên là phải gắn trách nhiệm cho từng cá nhân, từng cán bộ tham gia quản lý, trùng tu, tôn tạo di tích. Phải xây dựng hệ thống pháp lý đồng bộ, chế tài đủ mạnh, cơ chế giám sát chặt chẽ để hạn chế những yếu kém, thất thoát trong công tác quản lý, trùng tu di tích. Thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn, dài hạn ở các đơn vị đào tạo quốc tế có chất lượng, uy tín cao về công tác quản lý, trùng tu và phát huy giá trị di sản. Có được như vậy, thì di tích mới được bảo vệ, công tác trùng tu, tôn tạo không gặp nhiều khó khăn, phụ thuộc vào các tổ chức quốc tế. Đội ngũ hướng dẫn, thuyết minh trong khu di tích phải luôn nâng cao trình độ kiến thức, chuyên sâu về nghiệp vụ, đảm bảo khả năng truyền tải thông điệp đến khách tham quan về những giá trị đích thực của di sản

Ngoài ra, các ngành văn hóa thông tin nên thường xuyên mở các lớp nâng cao trình độ, kiến thức cho các chủ thể, người dân đang gìn giữ và thực hành các di sản ở cơ sở. Chúng ta nhận thức rằng, sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung, trong đó có di tích đình Tân Lâm chỉ có thể được đẩy mạnh và đạt hiệu quả khi người dân tự giác tham gia. Do đó, việc giáo dục để nâng cao ý thức tự giác của người dân, khơi dậy ở họ lòng tự hào đối với di sản văn hóa của cộng đồng mình là công việc có ý nghĩa quan trọng để hướng người dân chủ động tìm tòi, sưu tầm và bảo tồn di sản. Đặc biệt phải thường xuyên tổ chức tuyên truyền vận động nhân dân tham gia quản lý và phát huy giá trị di tích bằng các phương pháp thực hiện khoa học, dễ hiểu, thông tin cụ thể, sát thực và gắn gũi với đời sống sinh hoạt của họ để mang lại hiệu quả cao.

- Năm là, nâng cao vai trò của gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác phổ biến giá trị của di tích lịch sử, văn hóa ở địa phương. Đây có lẽ là biện pháp hữu hiệu nhất nhằm nâng cao nhận thức, vai trò của mọi người đối với di sản văn hóa. Phải trang bị kiến thức, niềm tự hào, sự hiểu biết của mọi người về di tích để

họ thấy rõ giá trị, vai trò của di sản đối với sự phát triển bền vững của đất nước trong hiện tại và tương lai. Ông bà, cha mẹ, thầy cô, các tổ chức đoàn thể xã hội thường xuyên dạy bảo, tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức cộng đồng cho sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa. Nhà trường thường xuyên lồng ghép các buổi ngoại khóa, các buổi nói chuyện chuyên đề, các cuộc thi thuyết trình, tìm hiểu các di tích trên địa bàn nơi trường hoạt động để làm sao ít nhất trong mỗi năm học học sinh phải đến tham quan, tìm hiểu từ hai đến ba di tích. Mỗi trường, mỗi lớp học nên tổ chức, kết hợp hoặc nhận chăm sóc một di tích để mỗi tháng học sinh, sinh viên có cơ hội đến di tích tìm hiểu, giao lưu, từ đó khơi dậy niềm tự hào, yêu mến, quý trọng các di sản văn hóa của dân tộc. Các cơ quan đoàn thể xã hội, thường xuyên tổ chức các cuộc thi, các hoạt động về nguồn để người lao động, cán bộ quản lý có cơ hội tìm hiểu, thưởng ngoạn các di sản văn hóa.

- Sáu là, trong xu thế phát triển du lịch hiện nay, di sản văn hoá, đặc biệt là các di tích có giá trị lịch sử, văn hóa xếp hạng đã trở thành sản phẩm của du lịch; là điểm đến tham quan, du lịch thường xuyên cho khách trong nước và nước ngoài. Vì thế, kết hợp giữa bảo tồn và phát huy di tích với việc phát triển du lịch là một xu thế khách quan, có hỗ trợ qua lại với nhau. Đặc biệt, lễ hội cúng đình là di sản văn hoá phi vật thể, là hình thái sinh hoạt văn hoá dân gian có hiệu quả cao nhất trong việc thu hút khách du khách. Do đó, phải chú trọng đến việc tổ chức, nâng cấp lễ hội là việc làm cần thiết vừa đảm bảo tính chất thiêng của lễ hội vừa tạo ra sức hút đối với khách đến tham quan và lễ bái. Tuy nhiên chú ý khi phát triển, mở rộng du lịch tuyệt đối không làm ảnh hưởng đến không gian di sản văn hoá, nội dung diễn trình của lễ hội cúng đình. Trong đầu tư, xây dựng phải có chủ đích, tuyệt nhiên không vì lợi nhuận hoặc tiện ích cho việc vụ phục du khách mà can thiệp quá sâu vào cảnh quan khu vực di sản văn hoá. Di sản là thành quả lao động sáng tạo của ông cha ta, là tác phẩm nghệ thuật có sức sống với thời gian, tự thân nó đã là một giá trị vĩnh hằng, cho nên khi di sản trở thành là sản phẩm du lịch thì con người phải ứng xử phù hợp, không thể chạy theo thị hiếu của du khách, biến nó thành những giá trị khác, dù thị hiếu đó có mang đến lợi nhuận bao nhiêu.



Đối với đình Tân Lâm việc phát huy các giá trị của di tích gặp nhiều thuận lợi khi kết hợp phát triển du lịch. Di tích tọa lạc ở khu vực trung tâm thành phố Biên Hòa – nơi có dân cư đông, gần chợ, có hệ thống giao thông thuận lợi (gồm đường bộ và đường thủy), đặc biệt có nhiều di tích lịch sử văn hóa độc đáo để tạo thành một chương trình tham quan lý tưởng và thuận lợi. Sau đây, tôi xin nêu ra một số chương trình tham quan (tour) để các ngành chức năng tham khảo:

- Tour tham quan các di sản văn hóa bằng đường bộ:

+ Tour 1 ngày: Đón đoàn tại điểm hẹn, khởi hành tham quan đình Tân Lâm, thăm chùa Ông, đình Nguyễn Hữu Cảnh, Chùa Đại Giác... nghỉ ăn cơm trưa tại Cù lao phước. Chiều tham gia các hoạt động tại Cù lao phước như làm vườn, bắt cá, thưởng thức các sản phẩm đặc sản Biên Hòa, kết thúc.

+ Tour 1 ngày: Đón đoàn tại điểm hẹn, khởi hành tham quan đình Tân Lâm, thăm chùa Ông, đình Nguyễn Hữu Cảnh, Chùa Đại Giác... nghỉ ăn cơm trưa tại Cù lao phước. Chiều thăm quan Bảo tàng Đồng Nai, nhà lao Tân Hiệp, Văn miếu Trấn Biên, mua sắm chợ Biên Hòa, kết thúc.

+ Tour 1 ngày: Đón đoàn tại điểm hẹn, khởi hành tham quan đình Tân Lâm, thăm chùa Ông, đình Nguyễn Hữu Cảnh, Chùa Đại Giác... nghỉ ăn cơm trưa tại Cù lao phước. Chiều thăm quan đình Nguyễn Tri Phương, chùa Long Thiền, mua sắm chợ Biên Hòa, kết thúc.

+ Tour 1 ngày: Đón đoàn tại điểm hẹn, khởi hành tham quan đình Tân Lâm, thăm quan quần thể di tích núi Bửu Long, nghỉ ăn trưa tại khu du lịch Bửu Long. Chiều tham quan và thưởng thức các trò chơi tại khu du lịch Bửu Long, Văn miếu Trấn Biên, mua sắm chợ Biên Hòa, kết thúc.

+ Tour 1 ngày: Đón đoàn tại điểm hẹn, khởi hành tham quan đình Tân Lâm, thăm quan quần thể di tích núi Bửu Long, nghỉ ăn trưa tại khu du lịch Bửu Long. Chiều tham quan tại vườn bưởi ở Tân Triều và thưởng thức, mua sắm tại vườn bưởi, kết thúc.

+ Tour 2 ngày: Ngày 1, đón đoàn tại điểm hẹn, tham quan các di tích văn hóa trên Cù lao phước (đình Nguyễn Hữu Cảnh, Chùa Ông, Chùa Đại Giác...), ăn

trưa, nghỉ ngơi tại đây. Chiều tham gia các hoạt động làm vườn như làm ruộng, bắt cá..., tối du khách tự tay chế biến các món ăn mà mình làm lúc chiều và ăn tối. Buổi tối du khách sẽ được xe điện đưa tham quan thành phố Biên Hòa về đêm, mua sắm chợ đêm Biên Hùng, kết thúc về Cù lao phố nghỉ ngơi. Ngày thứ 2, thăm di tích đình Tân Lâm, Bảo tàng Đồng Nai, nhà lao Tân Hiệp, ăn trưa và nghỉ tại khu du lịch Bửu Long. Chiều tham quan và thưởng thức các trò chơi, các quần thể di tích tại khu du lịch, thăm Văn miếu Trấn Biên kết thúc.

+ Tour 2 ngày: Ngày 1, đón đoàn tại điểm hẹn, tham quan di tích nhà lao Tân Hiệp, Bảo tàng Đồng Nai, đình Tân Lâm, ăn trưa và nghỉ ngơi tại khu du lịch Bửu Long. Chiều tham quan và thưởng thức các trò chơi, các quần thể di tích tại khu du lịch. Tối ăn tại khu du lịch, sau đó xe điện đưa du khách tham quan thành phố Biên Hòa về đêm, thăm chợ đêm Biên Hùng, về khách sạn nghỉ ngơi. Ngày 2, đón đoàn tại khu du lịch Bửu Long, tham quan làng bưởi Tân Triều, ăn trưa và nghỉ ngơi tại làng bưởi. Chiều thăm làng đá Bửu Long, Văn miếu Trấn Biên, mua sắm chợ Biên Hòa, kết thúc.

- Tham quan các di sản văn hóa bằng đường sông:

+ Tour 1 ngày: Đón đoàn tại Cù lao Ba Xê, tham quan làng cá bè Tân Mai, thăm nhà cổ Trần Ngọc Du, làng gốm Tân Vạn, đình Nguyễn Hữu Cảnh, chùa Ông. Ăn trưa và nghỉ ngơi tại Cù lao phố. Chiều tham quan đình Nguyễn Tri Phương, đình Tân Lâm, mua sắm chợ Biên Hòa, kết thúc.

+ Tour 1 ngày: Đón đoàn tại điểm hẹn, tham quan đình Tân Lâm, đình Nguyễn Hữu Cảnh, chùa Ông, đình Nguyễn Tri Phương. Ăn trưa và nghỉ ngơi tại Cù lao phố. Chiều tham gia các hoạt động làm vườn tại Cù lao phố, kết thúc.

+ Tour 1 ngày: Đón đoàn tại điểm hẹn, tham quan đình Tân Lâm, thăm Văn miếu Trấn Biên, làng đá Bửu Long. Ăn trưa và nghỉ ngơi ở khu du lịch Bửu Long. Chiều tham quan quần thể di tích, và tham gia các trò chơi ở khu du lịch Bửu Long, kết thúc.

+ Tour 2 ngày: Ngày 1, đón đoàn tại Cù lao Ba Xê, tham quan làng cá bè Tân Mai, thăm nhà cổ Trần Ngọc Du, làng gốm Tân Vạn. Ăn trưa và nghỉ ngơi tại

Cù lao phố. Chiều tham quan đình Tân Lâm, đình Nguyễn Tri Phương, đình Nguyễn Hữu Cảnh, chùa Ông về Cù lao phố ăn tối, nghỉ ngơi. Ngày 2, tham quan các quần thể di tích và tham gia các trò chơi tại khu du lịch Bửu Long. Ăn trưa và nghỉ ngơi tại khu du lịch. Chiều tham quan và mua sắm tại làng bưởi Tân Triều, kết thúc.

+ Tour nhiều ngày: Ngày 1, đón đoàn tại Cù lao Ba Xê, tham quan làng cá bè Tân Mai, thăm nhà cổ Trần Ngọc Du, làng gốm Tân Vạn. Ăn trưa và nghỉ ngơi tại Cù lao phố. Chiều tham quan đình Tân Lâm, đình Nguyễn Tri Phương, đình Nguyễn Hữu Cảnh, chùa Ông về Cù lao phố ăn tối, nghỉ ngơi. Ngày 2, tham quan các quần thể di tích và tham gia các trò chơi tại khu du lịch Bửu Long. Ăn trưa và nghỉ ngơi tại khu du lịch. Chiều tham quan và mua sắm, nghỉ ngơi, ăn tối tại làng bưởi Tân Triều. Ngày 3 và các ngày tiếp theo, đi ngược thượng nguồn sông Đồng Nai tham quan các điểm du lịch hấp dẫn khác như Hồ Trị An, Khu bảo tồn thiên nhiên Đồng Nai, làng dân tộc ở Tà Lài, vườn Quốc gia Nam Cát Tiên...

\*

\*                    \*

Đình Tân Lâm – một di tích lịch sử, kiến trúc nghệ thuật độc đáo, có nhiều giá trị văn hóa, tô điểm thêm vốn văn hóa dân gian truyền thống của tỉnh nhà. Di tích đình Tân Lâm trong suốt chặng đường lịch sử đã che chở bảo vệ dân làng trong công việc mưu sinh, ổn định cuộc sống và phát triển quê hương, đất nước. Dẫu thời gian cứ lặng lẽ trôi qua và cuốn đi nhiều thứ quý giá trong cuộc sống con người. Nhưng có một điều chắc chắn rằng: đình làng ở Đồng Nai nói chung và đình Tân Lâm nói riêng vẫn mãi trường tồn cùng với dân tộc Việt Nam.

## PHỤ LỤC

### I/ BẢNG THỐNG KÊ ĐỐI TƯỢNG THỜ TỰ

STT	ĐỐI TƯỢNG THỜ TỰ	ĐỊA CHỈ	GHI CHÚ
1	Thờ Trần Thượng Xuyên (Khánh thờ gỗ, có cốt tượng, bài vị gỗ)	Phường Hòa Bình, Tp. Biên Hòa	Còn sắc thần Tự Đức ngũ niên (1852)
2	Trần Tam Xá (em trai) có bài vị gỗ		
3	Tả ban, Hữu ban		
4	Bạch Mã, Thái giám		
5	Tiền Hiền, Hậu Hiền		
6	Bảng ghi công đức hương chức phụng cúng		
7	Tiền thứ Trung Hoa		
8	Tiền thứ Việt Nam		
9	Tiền sư.		
10	Hậu bồi		
11	Thần nông		
12	Chiến sĩ trận vong		
13	Miếu thờ Thánh Thạch (miếu ông Đá) lễ vía 10/5 AL		
14	Miếu Bà ngũ Hành phối thờ Tả Ban, hữu Ban, lễ vía 16/2 AL		

## II/ MỘT SỐ HÌNH ẢNH DI TÍCH ĐÌNH TÂN LÂN



Cổng vào di tích



Bia đá ở sân đình Tân Lân



Hương án thờ Bạch Mã



Hương án thờ Thái Giám



Hương án thờ Tiên Hiền



Hương án thờ Hậu Hiền



Nghi lễ khai sắc



Sắc phong đình Tân Lân



Họa tiết đắp nổi ở hương án thờ Thần Nông



Hương án thờ Thổ Thần





Hương án thờ Ngũ Hành



Biểu diễn Lân Sư Rồng trong lễ hội Kỳ yên



Lễ vật cúng tế trong lễ hội Kỳ yên



Nghi tế Đức Ông Trần Thượng Xuyên

### III/ MỘT SỐ HÌNH ẢNH CÁC DI TÍCH ĐÃ THAM QUAN



**Đình Tân Mỹ (xã Hiệp Hòa, Biên Hòa)**



**Đình Bạch Khôi (p. Bửu Long, Biên Hòa)**



**Đình Bình Điện (p. Bửu Long, Biên Hòa)**



**Đình Tân Hạnh (xã Hóa An, Biên Hòa)**



**Đình Hóa An (xã Hóa An, Biên Hòa)**



**Đình Tân Xuân (xã Tân Bình, Vĩnh Cửu)**



**Đình Tân Lại (P. Bửu Long, Biên Hòa)**



**Đình Bình Thiên (P. Bửu Long, Biên Hòa)**



**Đình Long Hòa (xã Tân Bình, Vĩnh Cửu)**



**Đình Tân Thành (xã Tân Bình, Vĩnh Cửu)**



**Đình Phước Nguyên (xã Phước An, Long Thành)**



**Đình Tập Phước (xã Phước Thái, Long Thành)**





**Đình Phước Khánh (xã Phước Khánh, Nhơn Trạch)**



**Đình Phước Lương (xã Phú Hữu, Nhơn Trạch)**



**Nghiên cứu chữ Hán ở chùa Phổ Quang, Bình Hòa, Vĩnh Cửu**



**Chùa Bửu Lâm, xã Bình Hòa, Vĩnh Cửu**



**Chùa Phổ Đà, xã Tân An, Vĩnh Cửu**



**Chùa Tường An, xã Vĩnh Tân, Vĩnh Cửu**